

## LỜI MỞ ĐẦU

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ,... trong doanh nghiệp là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong một kỳ kế toán. Nó là một trong những yếu tố quan trọng để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ. Bởi vậy kế toán doanh thu chính xác, đầy đủ, kịp thời sẽ tạo điều kiện cho xác định kết quả kinh doanh được chính xác. Kế toán kết quả kinh doanh chính xác thì sẽ đưa ra được số liệu kinh doanh trong kỳ chính xác. Trên cơ sở đó việc phân bổ kết quả sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất kinh doanh cải thiện đời sống người lao động.

Xuất phát từ tầm quan trọng của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh, trong thời gian thực tập tại Công ty cổ phần Than Hà Tu - TKV em đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu kế toán doanh thu, xác định kết quả kinh doanh và đã chọn đề tài cho khoá luận tốt nghiệp là: "**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Than Hà Tu - TKV**".

Nội dung của khoá luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 chương:

*Chương I: Một số vấn đề lý luận về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.*

*Chương II: Tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả tại Công ty Cổ Phần Than Hà Tu - TKV.*

*Chương III: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Than Hà Tu - TKV.*

Tuy đã cố gắng nghiên cứu, tìm tòi, nắm bắt tình hình thực tế của Công ty đến thực tập để phản ánh, làm rõ vào bài viết song do kiến thức và kinh nghiệm có hạn nên không thể tránh khỏi những thiếu sót, nhược điểm. Em rất mong nhận được sự đóng góp, chỉ bảo của các cô chú trong ban lãnh đạo, các cô chú, anh chị trong bộ phận kế toán của Công ty. Em cũng mong nhận được sự tham gia góp ý của thầy cô giáo, của thầy giáo hướng dẫn để em hoàn thiện bài viết này.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

**Sinh viên**

***Ô Thị Diệu Nga***

## **Chương 1:**

# **MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP**

### **1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Để quản lý tốt hoạt động của sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có nhiều công cụ khác nhau trong đó kế toán là công cụ hữu hiệu. Tổ chức công tác kế toán khoa học hợp lý là một trong những cơ sở cung cấp thông tin quan trọng nhất cho việc chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Để công cụ kế toán phát huy hết hiệu quả của mình đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng cải thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Chính vì vậy, tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh với doanh nghiệp là việc hết sức cần thiết giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

#### ***1.1.1. Ý nghĩa và vai trò của hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.***

##### ***1.1.1.1. Ý nghĩa và vai trò của hạch toán doanh thu, thu nhập***

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng. Doanh thu còn là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ với nhà nước như nộp các khoản thuế theo qui định, là nguồn có thể tham gia vốn góp cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Trường hợp doanh thu không đảm bảo các khoản chi phí đã bỏ ra doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính. Nếu tình trạng này kéo dài sẽ làm cho doanh nghiệp không đủ sức cạnh tranh trên thị trường và tất yếu dẫn đến phá sản.

Ý nghĩa quan trọng nhất của doanh thu được thể hiện thông qua quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ....Nó có vai trò quan trọng không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Tiêu thụ hàng hoá mang lại doanh thu cho doanh nghiệp đồng thời thoả mãn nhu cầu tiêu dùng của xã hội.

Thông qua tiêu thụ giá trị hàng hoá được thực hiện, các vấn đề liên quan đến hàng hoá được xác định như: số lượng, chất lượng, chủng loại, thời gian phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Tiêu thụ xét trên toàn bộ nền kinh tế quốc dân là điều kiện cần thiết để tái sản xuất xã hội. Đảm bảo tiêu thụ là đảm bảo duy trì sự liên tục của hoạt động kinh tế, đảm bảo mối liên hệ mật thiết giữa các khâu trong quá trình tái sản xuất.

Kết quả tiêu thụ hàng hoá có tỉ trọng không nhỏ trong kết quả kinh doanh. Nó là một phần cấu thành của kết quả kinh doanh và ngược lại kết quả kinh doanh là căn cứ quan trọng để đưa ra quyết định về tiêu thụ hàng hoá. Nói cách khác, kết quả kinh doanh là mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp còn tiêu thụ hàng hoá là phương thức để hoàn thành mục tiêu đó.

Việc xác định kết quả tiêu thụ giúp cho việc xác định đúng kết quả kinh doanh thể hiện chính xác năng lực kinh doanh của doanh nghiệp.

Như vậy, tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ hàng hoá có vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh thương mại. Vì vậy, để đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ hàng hoá cũng như hoàn thiện hạch toán tiêu thụ hàng hoá và xác định kết quả tiêu thụ hàng hoá là điều cần thiết.

#### *1.1.1.2. Ý nghĩa vai trò của việc hạch toán xác định kết quả kinh doanh*

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp sau một thời kì nhất định, được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Kế toán xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung trong việc xác định lượng hàng hoá tiêu thụ thực tế và chi phí tiêu thụ thực tế phát sinh trong kỳ nói riêng của mình trong kỳ, biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp từ đó doanh nghiệp sẽ đưa ra chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể trong các chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận của doanh nghiệp. Do đó, đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp phải xác định và phản ánh một cách đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

### **1.1.2. Yêu cầu quản lý**

#### *1.1.2.1. Yêu cầu quản lý*

Đối với doanh thu, tiêu thụ thì yêu cầu quản lý nghiệp vụ tiêu thụ hàng hoá trong doanh nghiệp là quá trình quản lý hàng hoá về số lượng, chất lượng giá trị hàng hoá bán ra bao gồm quản lý từ khâu mua, khâu bán từng mặt hàng, từng nhóm hàng cho đến khi thu được tiền hàng nội dung như sau:

- Quản lý về số lượng: giá trị hàng hoá xuất bán bao gồm việc quản lý từng người mua, từng lần gửi hàng, từng nhóm hàng.

- Quản lý về giá cả bao gồm: Việc lập dự định về theo dõi việc thực hiện giá đưa ra kế hoạch của kỳ tiếp theo.

- Quản lý việc thu hồi tiền bán hàng và xác định kết quả kinh doanh: Quản lý tiêu thụ hàng hoá tốt sẽ tạo điều kiện cho quản lý việc xác định kết quả kinh doanh tốt. Từ đó hạn chế rủi ro trong kinh doanh cũng như ngăn chặn nguy cơ thất thoát hàng hoá, đảm bảo tính chính xác của các số liệu đưa ra.

#### *1.1.2.2. Nhiệm vụ*

Để đáp ứng yêu cầu quản lý về thành phẩm, hàng hoá bán hàng xác định kết quả kinh doanh và phân phối kinh doanh của các hoạt động kế toán phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ kịp thời và chính xác các khoản phải thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng. Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

### **1.2. Các loại doanh thu.**

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO*

---

- Doanh thu: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu tùy theo từng loại hình sản xuất kinh doanh bao gồm:

- Nếu xét theo loại hình sản xuất kinh doanh, doanh thu gồm:
  - + Doanh thu bán hàng
  - + Doanh thu cung cấp dịch vụ
  - + Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi tức được chia
- Nếu xét theo thời gian, không gian tính chất kinh tế, doanh thu gồm:
  - + Doanh thu bán hàng ra ngoài
  - + Doanh thu tiêu thụ nội bộ
- Nếu xét về thời điểm kết thúc tiêu thụ, doanh thu gồm:
  - + Doanh thu bán hàng thu tiền ngay
  - + Doanh thu bán hàng trả chậm, trả góp

Ngoài ra còn có các khoản thu nhập khác, tuy nhiên trong phạm vi bài viết của mình em xin đề cập đến doanh thu và các yếu tố liên quan đến hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại như:

- Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém phẩm chất, sai qui cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- Giá trị hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ và bị khách hàng từ chối thanh toán.

- Chiết khấu thanh toán: là khoản tiền người bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn theo hợp đồng.

- Thu nhập khác: Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

- Chi phí bán hàng: là toàn bộ các chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản

lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn bộ doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là biểu hiện số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh thông thường và các hoạt động kinh doanh khác của doanh nghiệp.

### **1.3. Những nội dung cơ bản của phương thức bán hàng.**

Bán hàng là khâu cuối cùng của quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, của quá trình tuần hoàn vốn. Nếu xét dưới góc độ kinh tế bán hàng là một quá trình chuyển giao sản phẩm, hàng hoá dịch vụ cho người mua, người đặt hàng và nhận được từ họ một số tiền tương ứng.

Quá trình bán hàng được chia thành 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Xuất giao sản phẩm, hàng hoá hoặc cung cấp dịch vụ cho người mua, ở giai đoạn này hàng hoá vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp và chưa được xác định là tiêu thụ.

- Giai đoạn 2: Người mua trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán lúc này hàng hoá mới được xác định là tiêu thụ và đồng thời kết thúc quá trình bán hàng.

Trên thực tế 2 giai đoạn này ít diễn ra đồng thời cùng một thời điểm mà phần lớn tách rời nhau về không gian và thời gian.

#### **\* Các phương thức bán hàng và thanh toán tiền hàng.**

##### *a) Các phương thức bán hàng:*

Phương thức bán hàng có ảnh hưởng trực tiếp đối với việc sử dụng các tài khoản kế toán phản ánh tình hình xuất kho thành phẩm, hàng hoá. Đồng thời có tính chất quyết định đối với việc xác định thời điểm bán hàng và hình thành doanh thu bán hàng và tiết kiệm chi phí bán hàng để tăng lợi nhuận. Hiện nay các doanh nghiệp đang vận dụng các phương thức bán hàng sau:

- Bán hàng trực tiếp: là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho (hay trực tiếp tại các phân xưởng không qua kho) của doanh nghiệp. Số hàng khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và người bán mất quyền sở hữu về số hàng này. Người mua thanh toán hay chấp nhận thanh toán số hàng mà người bán đã giao.

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO*

---

- Bán hàng theo phương thức gửi hàng đi bán, gửi hàng đại lý, ký gửi: Bán hàng đại lý, ký gửi là phương thức bên chủ hàng (bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý, ký gửi (gọi là bên nhận đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.
- Bán hàng theo phương thức trả góp: là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ tiếp theo là bằng nhau trong đó gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm.

Theo phương pháp trả góp về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ. Về thực chất, chỉ khi nào người mua thanh toán hết tiền hàng thì doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu.

*b) Các phương thức thanh toán*

- Thanh toán bằng tiền mặt
- Thanh toán không dùng tiền mặt: chi trả bằng tiền gửi ngân hàng hoặc bằng hình thức khác như trao đổi hàng lấy hàng

**1.4. Những nội dung cơ bản của kế toán doanh thu và xác định kết quả doanh.**

**1.4.1. Kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu**

*Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

➤ Các chứng từ sử dụng:

- + Hoá đơn bán hàng( hoá đơn GTGT)
- + Phiếu xuất kho
- + Biên bản bàn giao hàng hoá, thành phẩm
- + Sổ chi tiết, sổ cái...
- + Chứng từ tính thuế
- + Phiếu thu tiền mặt
- + Giấy báo có của ngân hàng.

➤ TK sử dụng: TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

*Chi tiết:* TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng: Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn 5 điều kiện sau: Theo chuẩn mực số 14 (ban hành và công bố theo quyết định 149/2001/QĐ- BTC):

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.

- Doanh thu được xác định là tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một thời kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động... Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ: Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thoả mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán



*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO*

---

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cần tôn trọng một số quy định sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thu đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỉ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần mà doanh nghiệp thực hiện được trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, ghi nhận ban đầu do những nguyên nhân sau: Doanh nghiệp chiết khấu thương mại, giảm giá hàng đã bán cho khách hàng hoặc hàng đã bán bị trả lại (do không đảm bảo về quy cách phẩm chất, ghi nhận trong hợp đồng kinh tế) và doanh nghiệp phải nộp thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được tính trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế mà doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với những sản phẩm, hàng hoá chịu thuế TTĐB, thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là doanh thu gồm cả thuế TTĐB và thuế xuất khẩu.

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO*

---

- Đối với doanh nghiệp ghi nhận bán hàng theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là số tiền hoa hồng được hưởng.

- Đối với những doanh nghiệp nhận gia công chế biến chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công chế biến nhận được không bao gồm giá trị vật tư hàng hoá nhận gia công chế biến.

- Trong trường hợp doanh nghiệp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là trả tiền ngay, lãi trả chậm, trả góp được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

- Đối với doanh thu cho thuê tài sản có nhận trước tiền thuê trong nhiều năm thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kì nhận trước tiền.

- Đối với những doanh nghiệp cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của Nhà Nước được nhà nước trợ cấp, trợ giá thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là số tiền được nhà nước trợ cấp trợ giá.

- Trong trường hợp doanh nghiệp đã xuất hoá đơn và thu tiền bán hàng nhưng cuối kỳ chưa bàn giao cho khách hàng thì được ghi vào bên có tài khoản phải thu của khách hàng.

- Không hạch toán vào tài khoản 511 các trường hợp sau:

+ Trị giá hàng hoá, vật tư, bán thành phẩm xuất giao cho bên ngoài gia công chế biến.

+ Trị giá sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cung cấp giữa công ty, tổng công ty với các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

+ Trị giá sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ cung cấp cho nhau giữa tổng công ty với các đơn vị thành viên.

+ Trị giá sản phẩm, hàng hoá đang gửi bán, dịch vụ hoàn thành đã cung cấp cho khách hàng nhưng chưa xác định là đã bán.

+ Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi bán đại lý, ký gửi( chưa được xác định là đã bán)

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO*

---

+ Doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

*Doanh thu bán hàng nội bộ*

- TK sử dụng: TK 512: "Doanh thu bán hàng nội bộ", có 3 tài khoản cấp 2:
  - TK 5121: Doanh thu bán hàng hoá
  - TK 5122: Doanh thu bán thành phẩm
  - TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ và tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty theo giá bán nội bộ.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.

*Chiết khấu thương mại.*

- TK sử dụng: TK 521: Chiết khấu thương mại

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn và theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (Đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng).

TK 521 không có số dư cuối kỳ.

*Hàng bán bị trả lại*

- TK sử dụng: TK 531

TK này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại qui cách....Giá trị của hàng bán bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế thực hiện trong kì kinh doanh để tính toán doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã bán ra trong kỳ báo cáo.

Hàng bán bị trả lại nhập kho thành phẩm hàng hoá và xử lý theo chính

sách tài chính thuế hiện hành.

TK 531 không có số dư cuối kỳ.

*Giảm giá hàng bán.*

➤ Tài khoản sử dụng: TK 532

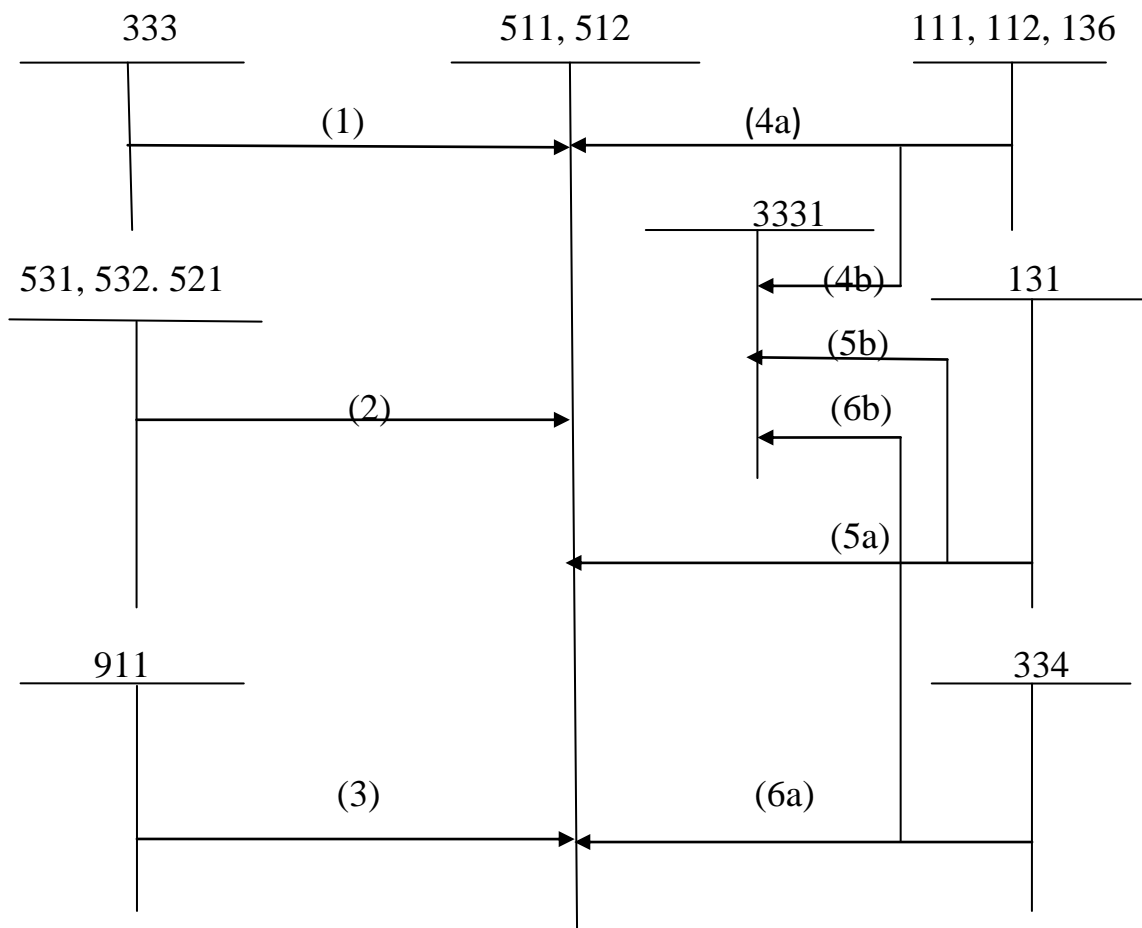
TK này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém chất lượng, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hoá đơn (giảm giá ngoài hoá đơn) do hàng bán kém, mất phẩm chất.

TK 532 không có số dư cuối kỳ.

**Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng qua từng phương thức:**

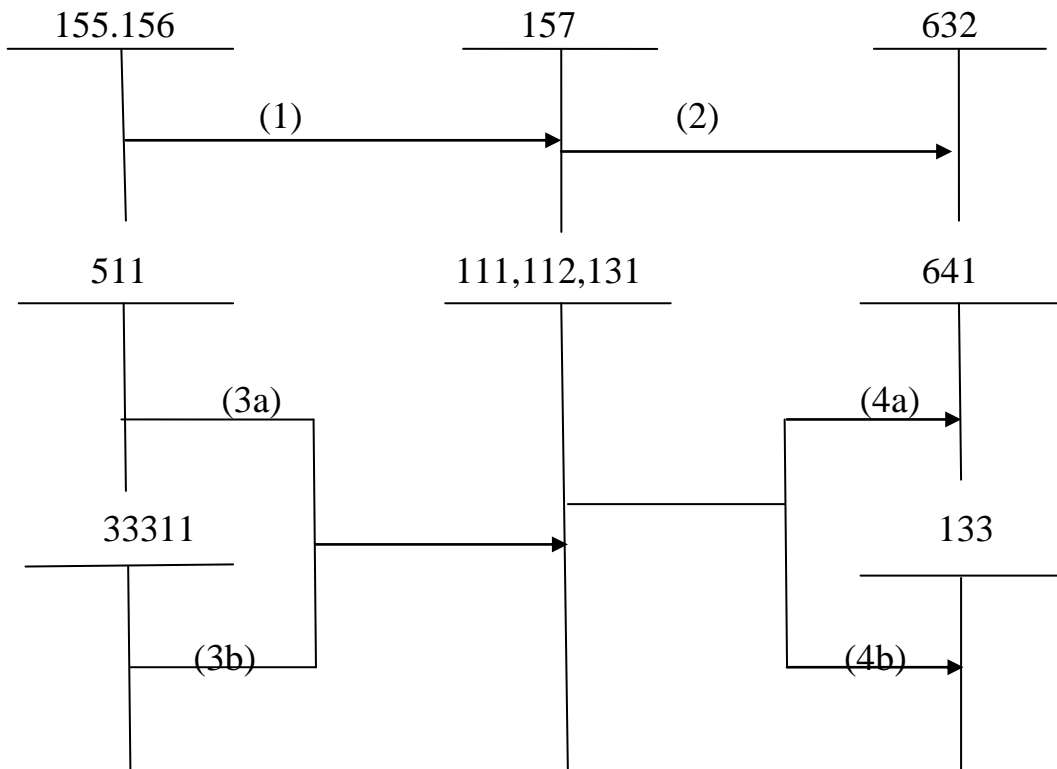
**Sơ đồ 01: Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ  
(Thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)**



Ghi chú:

- (1) Thuế xuất khẩu, thuế TTĐB phải nộp vào ngân sách nhà nước, thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp
- (2) Cuối kỳ kết chuyển CKTM, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ
- (3) Cuối kỳ kết chuyển doanh thu thuần
  - (4a) Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá
  - (4b) Thuế GTGT hàng hoá đầu ra do bán sản phẩm, hàng hoá
- (5a) Bán hàng theo phương thức đổi hàng
- (5b) Thuế GTGT đầu ra theo phương thức đổi hàng
- (6a) Trả lương bằng sản phẩm, hàng hoá
- (6b) Thuế GTGT đầu ra của sản phẩm, hàng hoá dùng trả lương cho công nhân viên.

**Sơ đồ 02: Doanh thu bán hàng theo phương thức gửi đại lý  
(theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)**

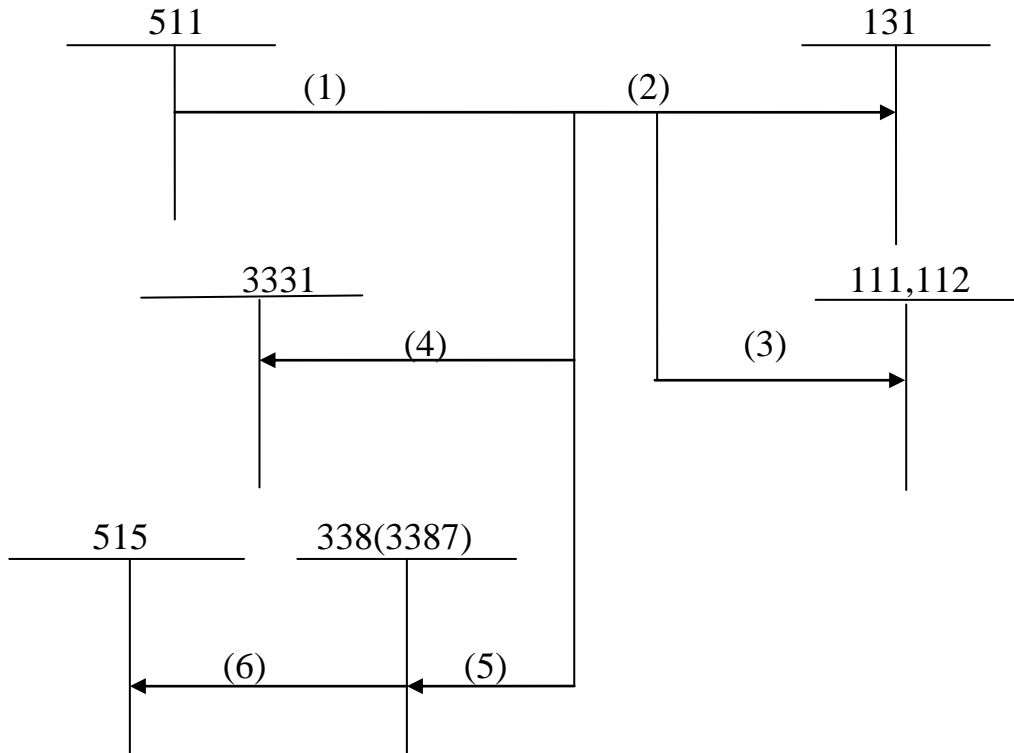


Ghi chú:

- (1) Khi xuất kho thành phẩm, hàng hoá giao cho các đại lý (theo phương pháp kê khai thường xuyên).

- (2) Khi thành phẩm, hàng hoá giao đại lý bán được
- (3a) Doanh thu bán đại lý
- (3b) Thuế GTGT đầu ra
- (4a) Hoa hồng phải trả cho bên nhận đại lý
- (4b) Thuế GTGT đầu vào

**Sơ đồ 03: Doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm (hoặc trả góp)**



Ghi chú:

- (1) Doanh thu bán hàng (ghi theo giá bán trả tiền ngay)
- (2) Tổng số tiền còn phải thu của khách hàng
- (3) Số tiền đã thu của khách hàng
- (4) Thuế GTGT đầu ra
- (5) Lãi trả góp hoặc lãi trả chậm phải thu khách hàng
- (6) Định kỳ kết chuyển doanh thu là tiền lãi phải thu từng kỳ

**1.4.2. Kế toán giá vốn hàng bán.**

➤ TK sử dụng: TK 632: Giá vốn hàng bán

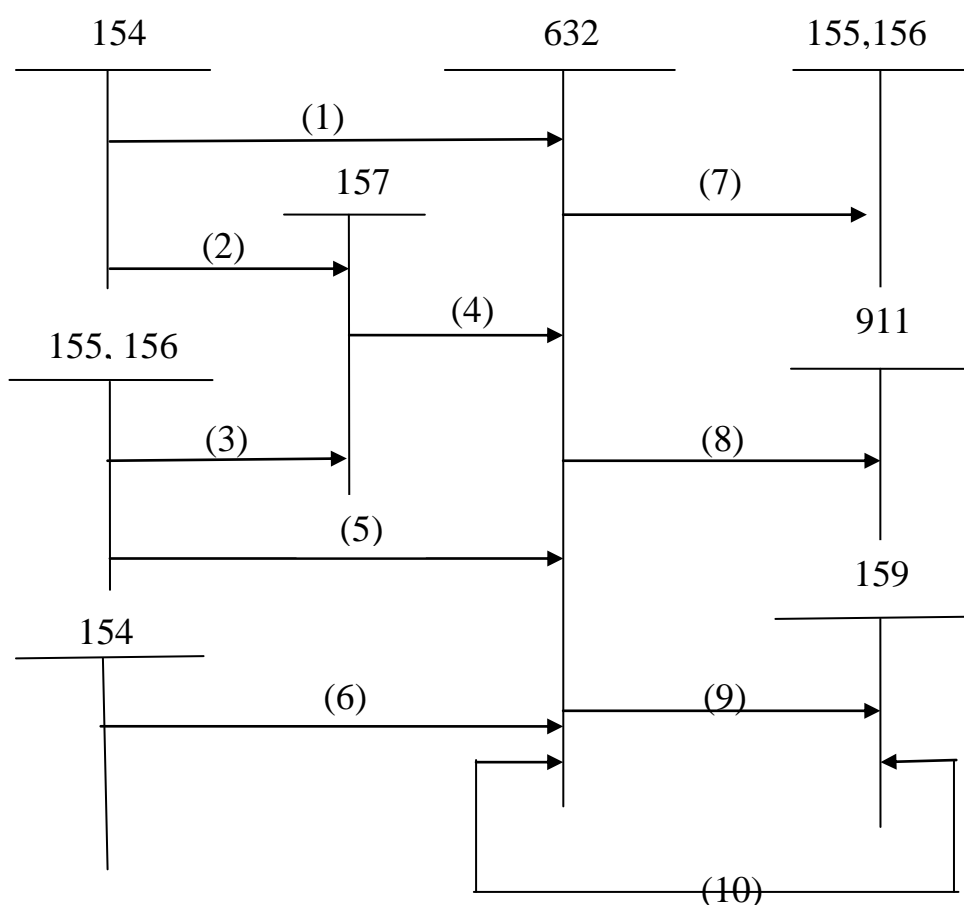
TK này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp).

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO*

Ngoài ra, tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí có liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí phục vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn), chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

TK 632 không có số dư cuối kỳ.

**Sơ đồ 04: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên**



Ghi chú:

- (1) Thành phẩm sản xuất ra tiêu thụ ngay không qua nhập kho
- (2) Thành phẩm sản xuất ra gửi đi bán không qua nhập kho
- (3) Khi hàng gửi đi bán được xác định là tiêu thụ
- (4) Thành phẩm, hàng hoá để bán
- (5) Xuất kho thành phẩm, hàng hoá để bán
- (6) Cuối kỳ kết chuyển giá thành dịch vụ hoàn thành tiêu thụ trong kỳ
- (7) Thành phẩm, hàng hoá đã bán bị trả lại nhập kho
- (8) Cuối kỳ kết chuyển giá vốn hàng bán của thành phẩm, hàng hoá,

dịch vụ đã tiêu thụ

(9) Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

(10) Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

### **1.4.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.**

#### *1.4.3.1. Kế toán chi phí bán hàng*

➤ TK sử dụng: TK 641: " Chi phí bán hàng"

TK này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào bán, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo hành, đóng gói, vận chuyển.....

TK 641: Chi phí bán hàng có 7 tài khoản cấp 2:

TK 6411: Chi phí nhân viên

TK 6412: Chi phí vật liệu bao bì

TK 6413: Chi phí dụng cụ đồ dùng

TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6415: Chi phí bảo hành

TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

TK 641 không có số dư cuối kỳ.

#### *1.4.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.*

➤ TK sử dụng: TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp.

TK này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên: bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị.....)

TK 642 có 8 TK cấp 2:

TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý

TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý

TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng



***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO***

TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6425: Thuế, phí, lệ phí

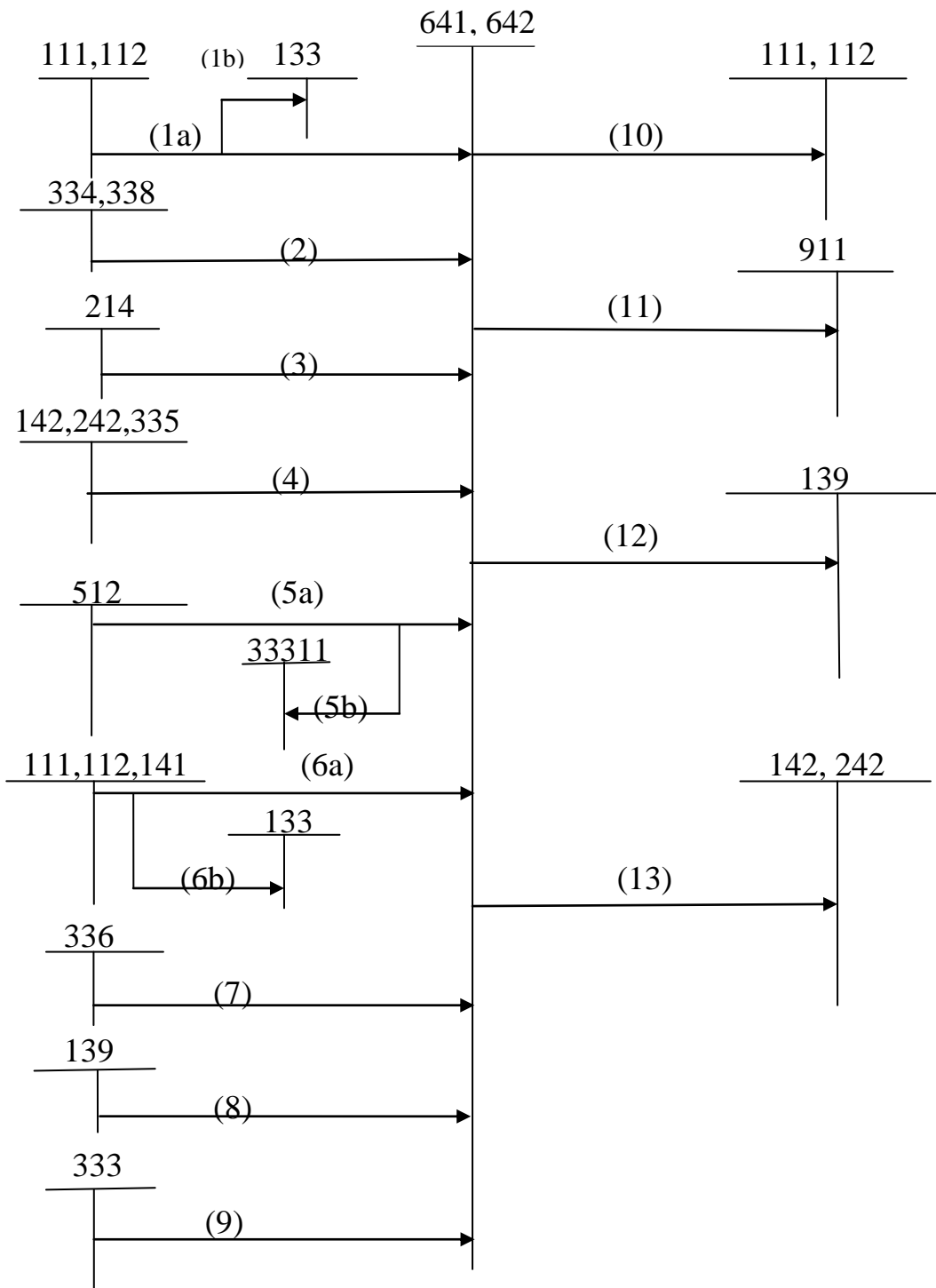
TK 6426: Chi phí dự phòng

TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

TK 642 không có số dư cuối kỳ.

***Sơ đồ 05: kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp***



Ghi chú:

- (1a,1b): Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ.
- (2): Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương
- (3): Chi phí khấu hao TSCĐ
- (4): Chi phí phân bổ dần, chi phí trích trước
- (5a,5b): Thành phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu dùng nội bộ
- (6a): Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.
- (6b): Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ nếu được tính vào chi phí bán hàng
- (7): Chi phí quản lý cấp dưới phải nộp cho cấp trên theo quy định
- (8) Dự phòng phải thu khó đòi
- (9): Thuế môn bài, tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước
- (10): Các khoản thu giảm chi
- (11): Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng.
- (12): Hoàn nhập số chênh lệch giữa số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số phải trích lập năm nay.
- (13): Hoàn nhập các khoản chi phí trích trước

**1.4.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.**

**1.4.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

TK sử dụng: TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

TK này phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, tiền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá dịch vụ...

- Cổ tức, lợi nhuận được chia

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO***

---

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- Lãi tỷ giá hối đoái
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ
- Chênh lệch lãi do chuyển nhượng vốn
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

TK 515 không có số dư cuối kì

***1.4.4.2. Hạch toán chi phí hoạt động tài chính.***

TK sử dụng: TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ tỷ giá hối đoái...

TK 635 không có số dư cuối kì.

***1.4.5. Hạch toán thu nhập hoạt động khác, chi phí hoạt động khác***

***1.4.5.1. Hạch toán thu nhập hoạt động khác.***

- TK sử dụng: TK 711- "Thu nhập hoạt động khác"

TK này dùng để phản ánh các khoản thu nhập hoạt động khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

TK 711- "Thu nhập khác" không có số dư cuối kì.

***1.4.5.2. Hạch toán chi phí khác phát sinh.***

- TK sử dụng: TK 811- "Chi phí khác"

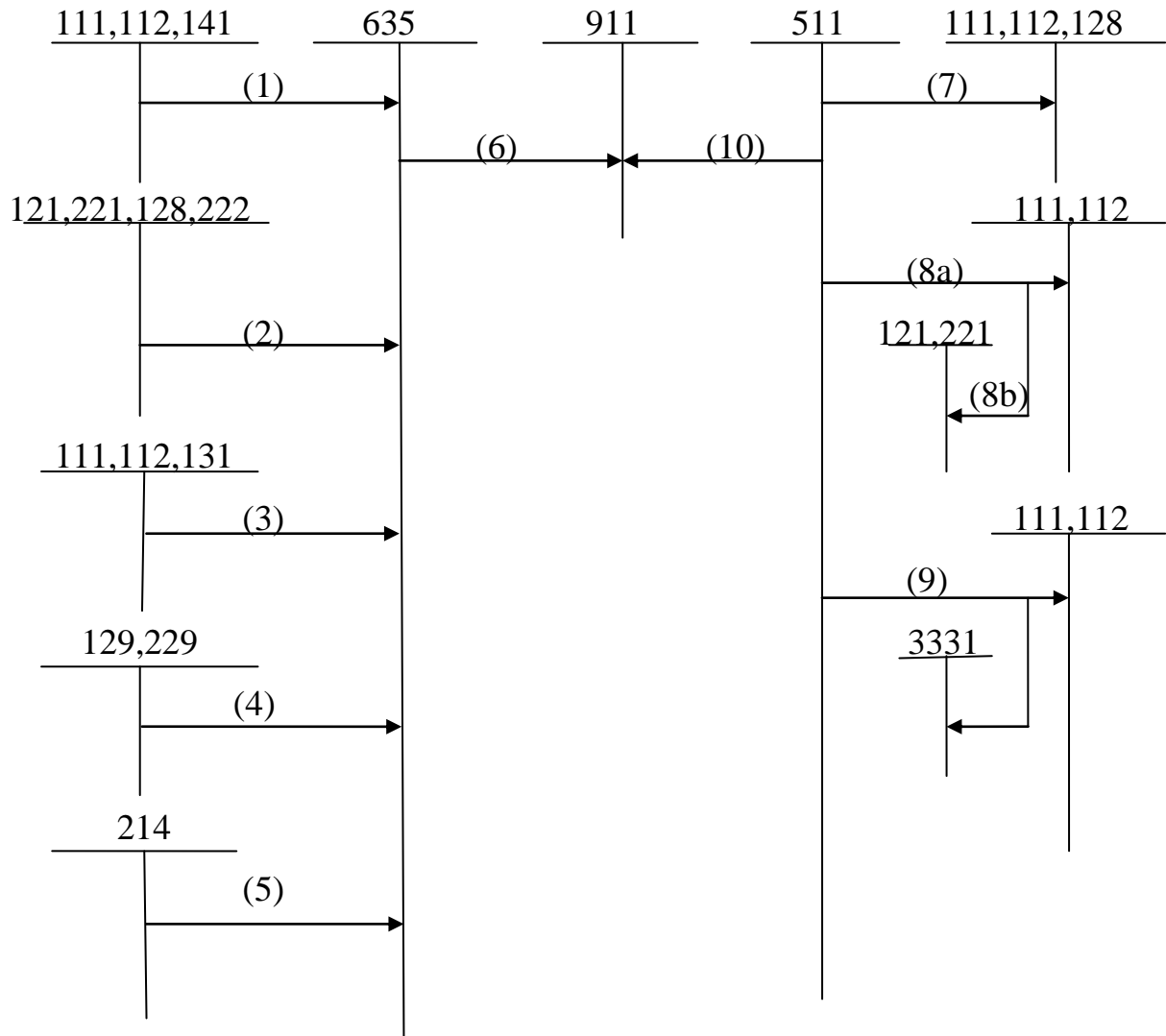
Loại tài khoản này phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Chi phí khác là những khoản chi phí (lỗ) do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO***

thông thường của doanh nghiệp gây ra và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

TK 811 không có số dư cuối kì.

***Sơ đồ 06: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính***



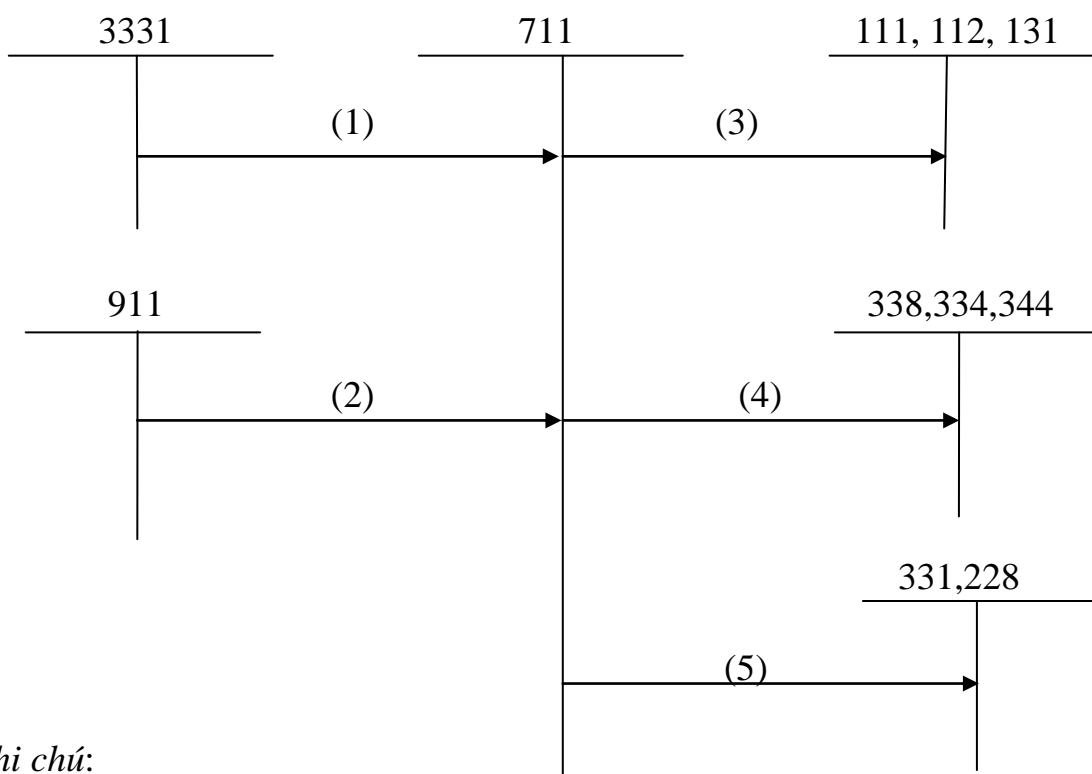
**Ghi chú:**

- (1) Chi phí lỗ về hoạt động tài chính, đầu tư chứng khoán liên doanh, cho vay vốn. Lỗ do hoạt động kinh doanh bất động sản, cho thuê TSCĐ.
- (2) Lỗ hoạt động tài chính, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh
- (3) Khoản chiết khấu cho người mua được hưởng
- (4) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn.
- (5) Chi phí khấu hao TSCĐ, cho thuê hoạt động
- (6) Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO*

- (7) Các khoản thu nhập được chia từ hoạt động liên doanh. Định kì thu lãi tín phiếu, trái phiếu, cổ tức được hưởng.
- (8a) Tiền lãi khi thanh toán chuyển nhượng, đầu tư chứng khoán ngắn, dài hạn.
- (8b) Giá gốc của chứng khoán
- (9) Thu nhập về cho thuê TSCĐ hoạt động, thuê TSCĐ tài chính, bán bất động sản.
- (10) Kết chuyển các khoản thu nhập hoạt động tài chính.

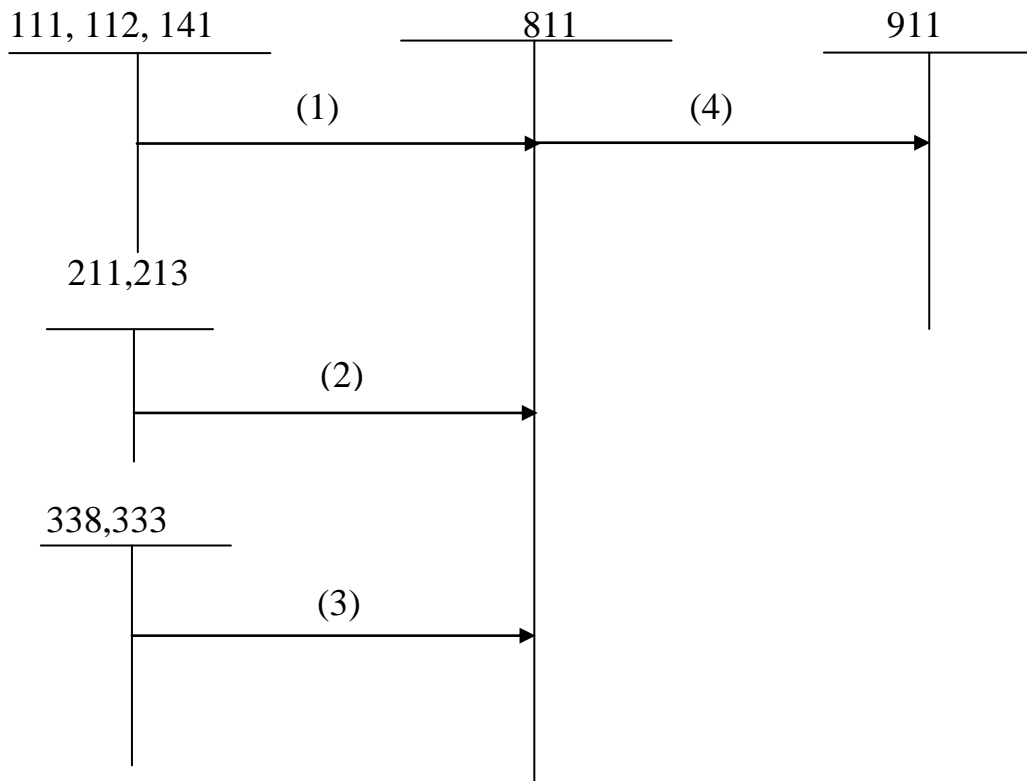
**Sơ đồ 07: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác**



*Ghi chú:*

- (1): Thuế VAT phải nộp theo phương pháp trực tiếp đối với hoạt động khác.
- (2): Kết chuyển thu nhập khác.
- (3): Thu thanh lý TSCĐ, khoản mà khách hàng vi phạm hợp đồng kinh tế.
- (4): Tiền phạt khấu trừ vào tiền lương.
- (5): Các khoản nợ phải trả chủ nợ, khoản chủ nợ không đòi.

**Sơ đồ 08: Sơ đồ hạch toán chi phí khác**



*Ghi chú:*

- (1): Chi phí khắc phục tổn thất do gặp rủi ro trong kinh doanh.
- (2): Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán.
- (3): Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế và các khoản phải nộp khác.
- (4): Kết chuyển chi phí khác.

**1.4.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.**

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp, bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp có 2 tài khoản cấp 2:

- TK 8211: Chi phí thuế TNDN hiện hành
- TK 8212: Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

#### **1.4.7. Hạch toán xác định kết quả kinh doanh**

- *Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh*: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- *Kết quả hoạt động tài chính*: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

- *Kết quả hoạt động khác*: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

TK sử dụng: TK 911-" Xác định kết quả kinh doanh" .

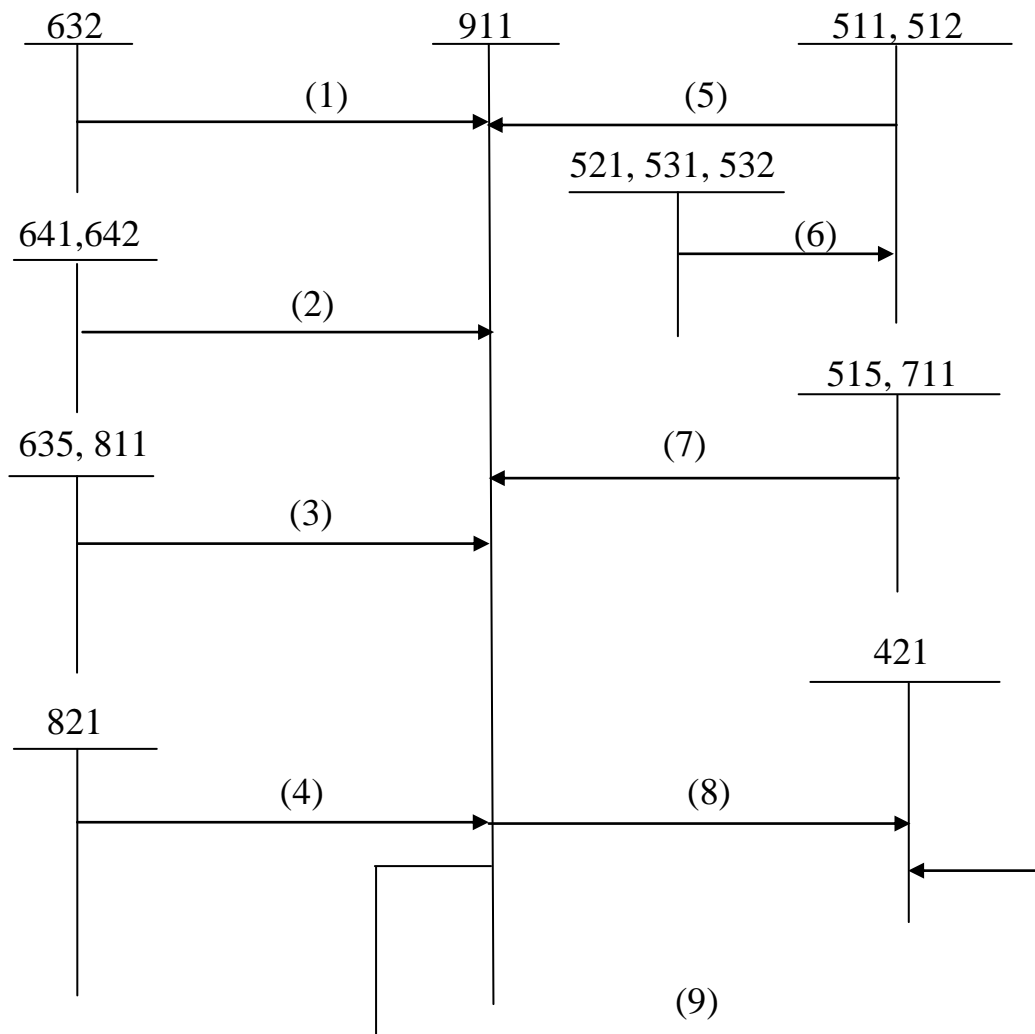
Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kì kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kì.

**Quy trình kế toán xác định và phân phối kết quả hoạt động kinh doanh được thể hiện qua sơ đồ sau:**

- (1): Kết chuyển giá vốn hàng bán.
- (2): Kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.
- (3): Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính, chi phí hoạt động khác.
- (4): Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- (5): Kết chuyển doanh thu thuần.
- (6): Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu.
- (7): Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động khác.
- (8): Kết chuyển lỗ.
- (9): Kết chuyển lãi.

**Sơ đồ 09: Sơ đồ kết quả và phân phối kết quả kinh doanh**



### 1.5. Hệ thống sổ sách để hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

Để phản ánh đầy đủ, kịp thời, liên tục có hệ thống tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho việc lập báo cáo tài chính, các doanh nghiệp phải mở đầy đủ các sổ và lưu trữ sổ kế toán theo đúng chế độ kế toán.

Các doanh nghiệp có thể áp dụng một trong bốn hình thức sổ kế toán sau:

- Hình thức Nhật kí chung
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức Nhật kí- Sổ cái
- Hình thức Nhật kí chứng từ



Công ty cổ phần than Hà Tu áp dụng hình thức Nhật ký chứng từ nên trong bài em xin trình bày chi tiết hơn về hình thức này.

### **1.5.1.Hình thức Nhật ký chung**

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký chung là mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập hợp từ chứng từ gốc, sau đó kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung theo thứ tự thời gian. Căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, quý, năm cộng số liệu trên sổ Cái, lập bảng Cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ,thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo Cáo Tài Chính.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ nhật ký chung;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- Bảng tổng hợp chi tiết
- Bảng cân đối số phát sinh

### **1.5.2.Hình thức Chứng từ ghi sổ.**

- Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “chứng từ ghi sổ”,việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái.

Chứng từ do kế toán lập trên cơ sở chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại,có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm,phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- + Chứng từ ghi sổ
  - + Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
  - + Sổ cái
  - + Các sổ,thẻ kế toán chi tiết.
- Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ,thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số phát sinh nợ, tổng số phát sinh có và số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái, căn cứ vào sổ Cái để lập Bảng cân đối số phát sinh.

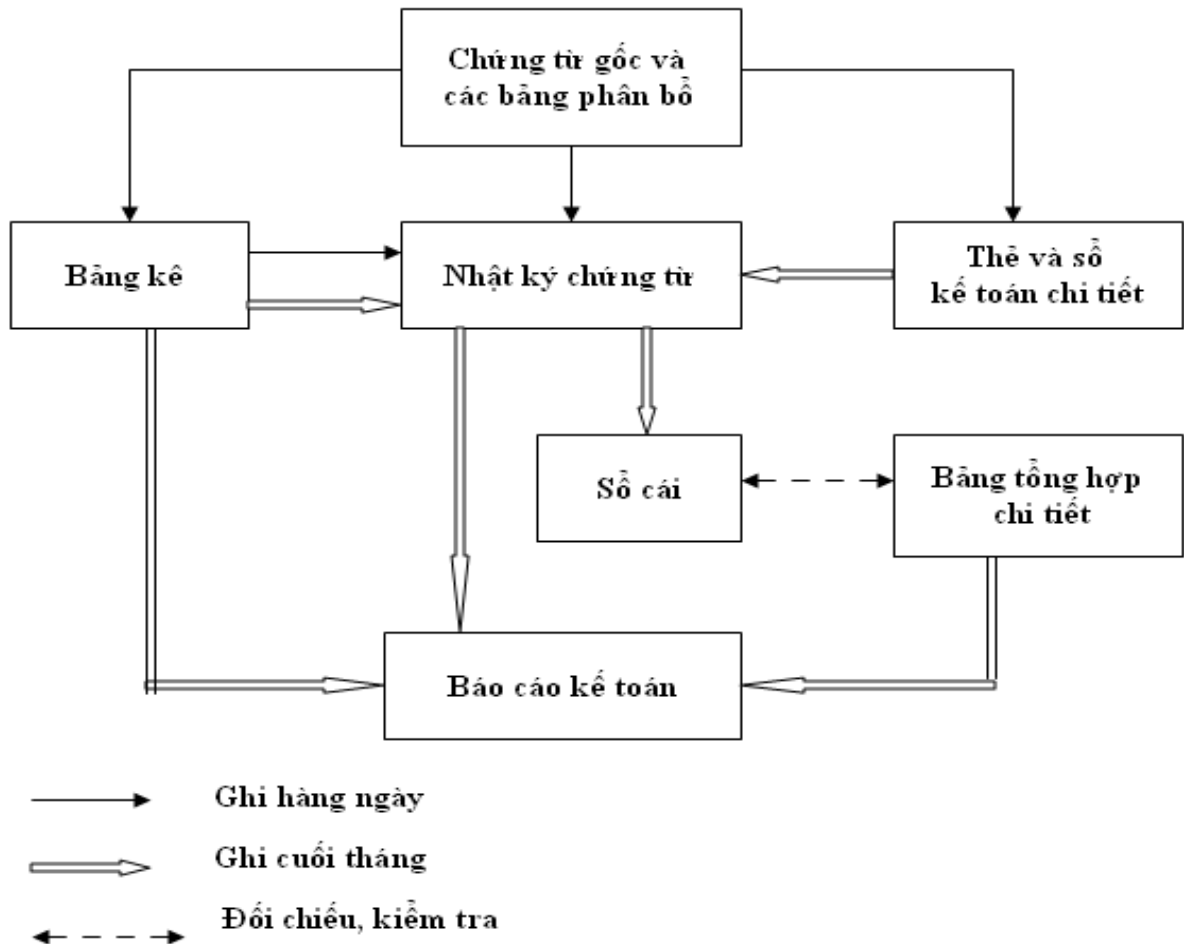
(3) Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ,thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

### **1.5.3. Hình thức Nhật ký - Chứng từ.**

- Đặc trưng cơ bản của hình thức nhật ký chứng từ:
  - + Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.
  - + Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.
  - + Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.
  - + Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.
- Các sổ sách sử dụng:

- + Nhật ký chứng từ
- + Bảng kê
- + Sổ cái
- + Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết .

**Sơ đồ: Hạch toán theo hình thức Nhật ký - Chứng từ.**



- Trình tự ghi sổ:

(1) Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký chứng từ hoặc bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

Đối với các loại chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các bảng kê và Nhật ký chứng từ có liên quan .

Đối với các Nhật ký chứng từ được ghi căn cứ vào các bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết cuối tháng chuyển số

liệu vào Nhật ký chứng từ.

(2) Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký chứng từ, kiểm tra đối chiếu số liệu trên các Nhật ký chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký-chứng từ ghi trực tiếp vào sổ Cái.

Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ, thẻ chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với sổ Cái.

Số liệu tổng cộng ở sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký chứng từ, Bảng kê và các bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

#### **1.5.4. Hình thức Nhật ký - sổ cái**

- Đặc trưng: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào Nhật ký-sổ cái là các chứng từ kế toán Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

- Sổ sách sử dụng:

+ Nhật ký- sổ cái

+ Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

- Trình tự ghi sổ:

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào sổ Nhật ký-sổ cái. Số liệu của mỗi chứng từ được ghi trên một dòng ở cả hai phần nhật ký và phần sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

Chứng từ kế toán và bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi sổ Nhật ký-sổ cái được dùng để ghi vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Nhật ký sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO***

---

cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Nhật ký sổ cái.

(3) Khi kiểm tra đối chiếu số cộng cuối tháng trong sổ Nhật ký sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số tiền của cột} \\ \text{"phát sinh" ở phần} \\ \text{Nhật ký} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số phát sinh} \\ \text{Nợ của tất cả các} \\ \text{tài khoản} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số phát sinh Có} \\ \text{của tất cả các} \\ \text{tài khoản} \end{array}$$

$$\text{Tổng số dư Nợ các tài khoản} = \text{Tổng số dư Có các tài khoản}$$

(4) Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khoá sổ để cộng số phát sinh Nợ, cộng số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khoá sổ của các đối tượng lập Bảng tổng hợp chi tiết cho từng tài khoản. Số liệu trên Bảng tổng hợp chi tiết được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Nhật ký sổ cái.

Số liệu trên Nhật ký sổ cái và trên Bảng tổng hợp chi tiết sau khi khoá sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

#### ***1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính***

- Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy:

+ Đây là công việc được thực hiện trên một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong 4 hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định là: Nhật ký chung, Nhật ký- sổ cái, Chứng từ ghi sổ, Nhật ký chứng từ. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ qui trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo qui định.

+ Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào thì sổ sách được thiết kế theo hình thức đó nhưng không hoàn toàn bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

- Trình tự ghi sổ:

(1) Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

(2) Cuối tháng hoặc bất kỳ vào thời điểm nào cần thiết kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với Báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối kỳ kế toán, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

**Chương 2:**

**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN  
DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU – TKV**

**2.1. Đặc điểm chung công ty cổ phần than Hà Tu – TKV.**

Tên doanh nghiệp : Công ty cổ phần than Hà Tu – TKV.

Tên giao dịch quốc tế: Vinacomin – Hà Tu Coal Joint – Stock Company.

Tên viết tắt : VHTC.

Địa chỉ : Tổ 6 - Khu 3 - Phường Hà Tu - Thành phố Hạ Long - Tỉnh QN.

Điện thoại : 0333 835 169 – Fax : 033 836 120.

Vốn điều lệ : 91.000.000.000 VNĐ

Mã số thuế: 5700101328

Tổng số CBCNV có mặt đến 31/12/2009 : 3.424 người.

Tổng quỹ lương : 243.844.163.715 đồng.

Tiền lương bình quân: 5.740.000 đ/người/tháng.

Giấy phép kinh doanh : Số 11097 do sở kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 14 tháng 10 năm 1996.

Tài khoản : 102010000221908 Tại ngân hàng Công thương Quảng Ninh.

**2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty.**

Mỏ than Hà Tu được thành lập từ ngày 01/8/1960 theo QĐ số: 707/ BKC-KB2 ngày 23/7/1960 do Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Lê Thanh Nghị ký. Đến năm 1993 theo QĐ số: 339/ N1-TCLĐ ngày 30/6/1993 của Bộ trưởng Bộ năng lượng: v/v thành lập lại Mỏ Hà Tu trực thuộc Công ty than Hòn Gai. Đến tháng 5/1996, Mỏ Hà Tu trở thành một đơn vị thành viên của Tổng Công ty than Việt Nam theo NQ - CP và QĐ của Tổng công ty than Việt Nam, có hoạt động SXKD chính thức độc lập từ ngày 16/5/1996, chuyển thành Công ty than Hà Tu. Từ cuối năm 2006 tiến hành cổ phần hoá và chính thức đổi tên thành Công ty cổ phần than Hà Tu từ ngày 01/01/2007, thuộc Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam. Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV được thành lập theo Luật doanh nghiệp và theo Quyết định số 2062/QĐ - BCN ngày 09 tháng 08

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV*

---

năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp phê duyệt Phương án cổ phần chuyển Công ty than Hà Tu thành Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần than Hà Tu được xây dựng trên cơ sở: Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH 11 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, Quyết định số 07/2002/QĐ-VPCP ngày 19 tháng 11 năm 2002 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về ban hành mẫu điều lệ áp dụng cho các công ty niêm yết chứng khoán.

Là một trong những công ty khai thác lộ thiên lớn nhất vùng than Hòn Gai, là một doanh nghiệp độc lập trực thuộc Tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam, là mỏ khai thác lớn bằng phương pháp lộ thiên, sản lượng khai thác của công ty chiếm 50% sản lượng toàn vùng than Hòn Gai, than của công ty sản xuất ra phục vụ trong nước và xuất khẩu.

Ngày nay, Công ty được đầu tư nhiều phương tiện và máy móc hiện đại nên việc khai thác trở nên dễ dàng hơn.

Trong những năm gần đây dưới sự điều hành của hội đồng quản trị, hội đồng giám đốc Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam, sự tạo điều kiện của các ban ngành thuộc chính quyền địa phương, sự phối kết hợp chặt chẽ của các đơn vị bạn trong Tập đoàn, Công ty đã không ngừng từng bước sắp xếp lại tổ chức theo hướng gọn nhẹ, tăng hiệu lực quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh, khắc phục khó khăn, chủ động sáng tạo phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD do nhà nước và cấp trên giao. Hiện nay tổng tài sản đã lên đến gần 1.061 tỷ đồng với tổng số vốn kinh doanh là trên 300 tỷ đồng. Năng lực sản xuất được nâng lên với sự đầu tư nhiều thiết bị hiện đại, có năng suất cao. Hiệu quả SXKD tốt hơn, mức tăng trưởng kinh tế hàng năm tăng từ 8 – 12%. Lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước từ 1,5 -> 2 lần. Việc làm của CNVC được ổn định. Đời sống văn hoá, tinh thần của đông đảo CBCNV được nâng cao, Công ty là điểm sáng văn hoá, văn nghệ thể dục thể thao của tỉnh Quảng Ninh, của ngành than và toàn quốc.

### **2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của công ty cổ phần than Hà Tu – TKV.**

#### **2.1.2.1. Chức năng.**

Công ty than Hà Tu là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân theo pháp



*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV*

---

luật Việt Nam. Công ty được thành lập theo hình thức chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật. Công ty có tư cách pháp nhân, các cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp.

Công ty là Công ty con của Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, do Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam chi phối thông qua tỷ lệ nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty, thông qua quyền sở hữu tài nguyên, trữ lượng than của Tập đoàn giao cho Công ty quản lý, khai thác theo hợp đồng và thương hiệu của Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam. Công ty có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty con đối với Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam theo điều lệ của Tập đoàn và các quy chế quản lý trong nội bộ Tập đoàn mà Công ty là một thành viên.

*2.1.2.2. Nhiệm vụ.*

Công ty cổ phần than Hà Tu – TKV có điều lệ tổ chức và hoạt động riêng phù hợp với các điều khoản trong điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam và Luật Doanh nghiệp Nhà nước. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110947 do Sở kế hoạch & đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp (đăng ký thay đổi lần 2 ngày 19/05/2005), Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV được phép kinh doanh các ngành nghề sau đây:

- Khai thác, chế biến kinh doanh than và các loại khoáng sản khác.
- Xây dựng các công trình mỏ, công nghiệp, dân dụng và san lấp mặt bằng.
- Chế tạo, sửa chữa, gia công các thiết bị mỏ, phương tiện vận tải, các sp cơ khí.
- Vận tải đường thủy, đường bộ, đường sắt.
- Quản lý, khai thác cảng và bến thủy nội địa.
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; Đầu tư kinh doanh các dự án điện.
- Kinh doanh dịch vụ văn hoá thể thao và cho thuê quảng cáo.
- Kinh doanh dịch vụ du lịch, dịch vụ khách sạn, nhà hàng, ăn uống...
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, hàng hoá
- Sản xuất kinh doanh nước lọc tinh khiết.
- Kinh doanh dịch vụ tin học.

**\* Các loại hàng hoá mà Công ty đang kinh doanh**

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV*

---

Mặt hàng than (Chiếm 97% tổng doanh thu) đa dạng bao gồm các chủng loại: Than nguyên khai; Than cám sạch; Than cục; Đá xít các loại.

Mạng lưới tiêu thụ của Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV được chia làm 2 cách là tiêu thụ trực tiếp và tiêu thụ gián tiếp.

Sản phẩm của Công ty được xuất khẩu sang các nước Singapo, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Nhật Bản, Trung Quốc, Malaysia và Philippin.

Trên thị trường nội địa sản phẩm của Công ty chủ yếu là cung cấp cho Công ty tuyển than Hòn Gai và Công ty kinh doanh chế biến than Miền Bắc. Số còn lại được tiêu thụ qua Hộ xi măng và Hộ điện. Ngoài than Công ty cũng cung cấp xít nghiền cho Công ty KD & CB than Quảng Ninh, đá xít thải cho Công ty TNHH Quang Trung, bột đá nghiền cho Công ty xi măng CHINFON Hải Phòng và đất lẫn than cho Công ty Cổ phần đầu tư thương mại & Dịch vụ.

**2.1.3. Đặc điểm về tổ chức sản xuất kinh doanh .**

Hiện nay hình thức tổ chức sản xuất tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV áp dụng theo hình thức sản xuất dây chuyền. Sản phẩm sản xuất trên cùng một quy trình công nghệ thông qua một dây chuyền liên tục:

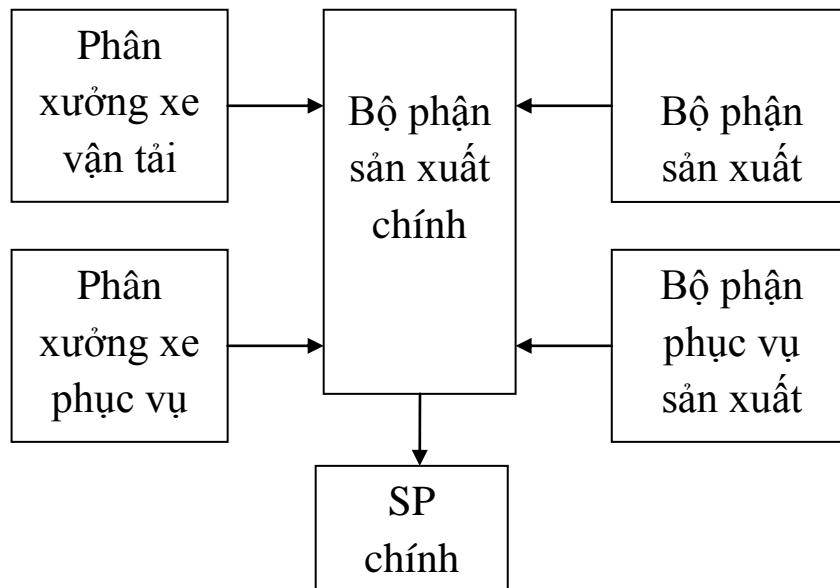
Đối với than tiêu thụ sạch: Khoan nổ – Xúc bốc – Vận tải – Chế biến – Tiêu thụ than sạch.

Than sau khi được khai thác sẽ được bốc xúc và vận chuyển về khu vực sàng tuyển để chế biến đem tiêu thụ.

Đối với than tiêu thụ nguyên khai: Khoan nổ – Xúc bốc – Tiêu thụ than.

Sau khi được khai thác than sẽ được bốc xúc vận chuyển tiêu thụ ngay.

**Sơ đồ : Hình thức tổ chức sản xuất của Công ty**



Mô hình sản xuất của Công ty là sự hình thành các bộ phận sản xuất chính, bộ phận sản xuất phụ, bộ phận sản xuất phụ trợ và bộ phận phục vụ sản xuất.

+ Bộ phận sản xuất chính có 2.876 người là: bộ phận trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm chính của Công ty.

+ Bộ phận sản xuất phụ trợ có 766 người gồm: 3 xưởng sửa chữa, Công trường bơm, Công trường trạm mạng, Công trường xây dựng, Phòng KCS, Phân xưởng cảng.

+ Bộ phận phục vụ sản xuất có 453 người gồm: Phân xưởng dịch vụ đời sống, Phòng y tế, Trung tâm văn hoá thể thao, Các phân xưởng xe phục vụ 5,7 và 12, Kho vật tư, Các kho than.

**2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty CP than Hà Tu – TKV**

**2.1.4.1. Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty than Hà Tu- TKV.**

Bộ máy quản lý của Công ty CP than Hà Tu là hình thức trực tuyến chức năng. Với hình thức tổ chức này rất phù hợp với các doanh nghiệp mỏ.

**2.1.4.2. Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận.**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty, Hội đồng quản trị (HĐQT) do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để quản trị công ty.

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO*

---

HĐQT có quyền quyết định chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm, xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở Đại hội đồng cổ đông thông qua, đề xuất mức cổ tức chi trả hàng năm HĐQT có quyền bổ nhiệm và bãi miễn Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác. Số lượng thành viên HĐQT của Công ty là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của công ty. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để kiểm soát mọi hoạt động quản trị, điều hành trong công ty. Ban kiểm soát của công ty ba thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 5 năm, Thành viên của Ban kiểm soát có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động trong công ty, do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giúp việc cho Giám đốc có các Phó giám đốc (PGĐ Kinh tế, PGĐ Kỹ thuật, PGĐ Sản xuất, PGĐ Vận tải) và Kế toán trưởng.

Giám đốc do Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản và HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm quản lý và giám sát toàn bộ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổ chức sắp xếp việc làm cho cán bộ quản lý, công nhân viên chức của Công ty. Đại diện cho CBCNV toàn Công ty quản lý, quyết định việc điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng kế hoạch, chính sách pháp luật của Nhà nước. Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị Công ty, Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Nhà nước và pháp luật, tập thể cán bộ CNVC Công ty về quản lý và điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các Phó Giám đốc Công ty: do HĐQT bổ nhiệm theo năng lực chuyên môn và theo đề nghị của Giám đốc, có nhiệm vụ giám sát và tham mưu cho Giám đốc.

Về công tác quản lý, điều hành sản xuất và toàn bộ quy trình công nghệ chung của Công ty. Trực tiếp điều hành sản xuất, kinh doanh khi được sự ủy quyền của Giám đốc hoặc khi Giám đốc vắng mặt. Các Phó Giám đốc chịu trách nhiệm về việc làm của mình trước Giám đốc Công ty.

Cơ cấu tổ chức của các chi nhánh và VPĐD của Công ty được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị đó do HĐQT Công ty ban hành.

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO***

---

Các Tr-ởng phòng: Do Giám đốc phân công theo năng lực và trình độ từng ng-ời, họ có trách nhiệm tham m-u giúp giám đốc giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình. Các quản đốc công tr-ởng, phân x-ởng: Do giám đốc phân công theo đề nghị của phòng tổ chức đào tạo. Quản đốc có nhiệm vụ quản lý và điều hành sản xuất theo nhiệm vụ đ-ợc Công ty giao.

Xuất phát từ đặc điểm quy trình công nghệ, đặc điểm tổ chức sản xuất, bộ máy quản lý của Công ty than Hà tu đ-ợc tổ chức thành các phòng ban, công tr-ởng, phân x-ởng và các đội xe ô tô vận chuyển phục vụ. Mỗi công tr-ởng, phân x-ởng, các phòng ban đều có mối quan hệ thực hiện nhiệm vụ vai trò của mình trong sản xuất kinh doanh. Thực hiện các chức năng quản lý và tham m-u giúp Giám đốc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, hoàn thành nhiệm vụ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, quy định của Tập đoàn công nghiệp than- khoáng sản Việt Nam và luật doanh nghiệp Nhà n-ớc.

- ***Phòng Hành chính:*** Giúp Giám đốc về công tác tổng hợp hành chính, quản trị văn phòng, công tác thi đua tuyên truyền.

- ***Phòng Kế hoạch:*** Tham m-u giúp việc Giám đốc trong công tác kế hoạch tổng hợp, các hợp đồng kinh tế, hợp đồng nghiên cứu khoa học kỹ thuật, hợp đồng t- vấn, chuyển giao công nghệ; Tham m-u giúp việc Giám đốc về quản lý chi phí khoán sản xuất, lập kế hoạch và xác định định mức khoán đối với từng thiết bị xe máy trong Công ty.

- ***Phòng Kế toán thống kê:*** Tham m-u giúp việc Giám đốc tổ chức thực hiện công tác Kế toán thống kê theo quy định của pháp lệnh kế toán thống kê.

- ***Phòng Tổ chức đào tạo:*** Tham m-u giúp việc Giám đốc trong công tác tổ chức sản xuất, tổ chức cán bộ, đào tạo bồi d-ỡng nguồn nhân lực cho Công ty.

- ***Phòng Lao động tiền l-ơng:*** Tham m-u giúp việc Giám đốc trong công tác quản lý lao động và tiền l-ơng của Công ty.

- ***Phòng Quản lý Vật t-:*** Tham m-u giúp việc Giám đốc trong công tác cung ứng vật t- và kiểm tra việc cấp phát, sử dụng vật t- - phụ tùng phục vụ sản xuất.

- ***Phòng Tiêu thụ:*** Giới thiệu sản phẩm trên thị tr-ởng, quản lý và điều hành quá trình tiêu thụ sản phẩm, lập kế hoạch chỉ tiêu tiêu thụ sản phẩm trong năm của Công ty.

- ***Phòng Thanh tra:*** Thực hiện thanh tra nội bộ theo pháp lệnh thanh tra.

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO*

---

Giải quyết những đơn th- khiếu tố của CBCNV về các hiện t- ợng tiêu cực theo yêu cầu của lãnh đạo Công ty.

- **Phòng Bảo vệ:** Tham m- u Giám đốc về công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn trong khai tr- ờng sản xuất, công tác tự quản của các đơn vị trực thuộc Công ty, bảo vệ mọi tài sản của Công ty, tài nguyên biên giới công ty theo chỉ đạo của Tập đoàn và cơ quan Nhà n- ớc có thẩm quyền.

- **Phòng Quân sự:** Tham m- u giúp lãnh đạo công ty trong công tác dân quân tự vệ, an ninh quốc phòng trong phạm vi Công ty.

- **Phòng Y tế :** Chăm sóc sức khoẻ cho ng- ời lao động, khám chữa bệnh và Bảo hiểm y tế hàng năm cho cán bộ công nhân viên của công ty, khám sức khoẻ định kỳ, theo dõi và phân loại sức khoẻ cho cán bộ công nhân viên.

- **Phòng Kỹ thuật mỏ:** Tham m- u cho Giám Đốc về ph- ơng h- ớng sản xuất, h- ớng dẫn, kiểm tra quản lý kỹ thuật khai thác trên cơ sở các điều lệ quy trình, quy phạm của Nhà n- ớc và các cơ quan cấp trên. Đánh giá điều kiện địa chất công trình, địa chất thuỷ văn ảnh h- ớng đến công tác khai thác Mỏ, quản lý và bảo vệ tài nguyên trong ranh giới của Công ty quản lý.

- **Phòng Điều khiển sản xuất:** Là trung tâm điều hành sản xuất và tổ chức tiêu thụ sản phẩm của Công ty, triển khai lệnh sản xuất và điều động xe máy phục vụ cho các đơn vị trong Công ty.

- **Phòng KCS:** Giúp việc và chịu trách nhiệm tr- ớc Giám đốc về công tác quản lý chất l- ợng sản phẩm từ khâu khai thác, quy hoạch chất l- ợng và chất l- ợng tiêu thụ sản phẩm. Kiểm tra giám định chất l- ợng các loại than, phát hiện và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất l- ợng than.

- **Phòng Cơ điện Vận tải:** Tham m- u giúp Giám đốc về công tác cơ điện và vận tải của công ty, kiểm tra việc thực hiện quy trình, quy phạm kỹ thuật đối với thiết bị ở các đơn vị sản xuất, tham gia xây dựng năng xuất các loại thiết bị và định mức tiêu hao nhiên liệu, vật liệu khoán cho các đơn vị khai thác, vận tải và theo dõi việc thực hiện công tác đó.

- **Phòng Xây dựng cơ bản:** Tham m- u giúp Giám đốc về công tác xây dựng cơ bản gồm đầu t- xây dựng mới, sửa chữa và nâng cấp các công trình xây dựng hiện có, đề xuất những biện pháp quản lý.

- **Phòng Trắc địa:** Giúp Giám đốc quản lý toàn bộ công tác trắc địa và

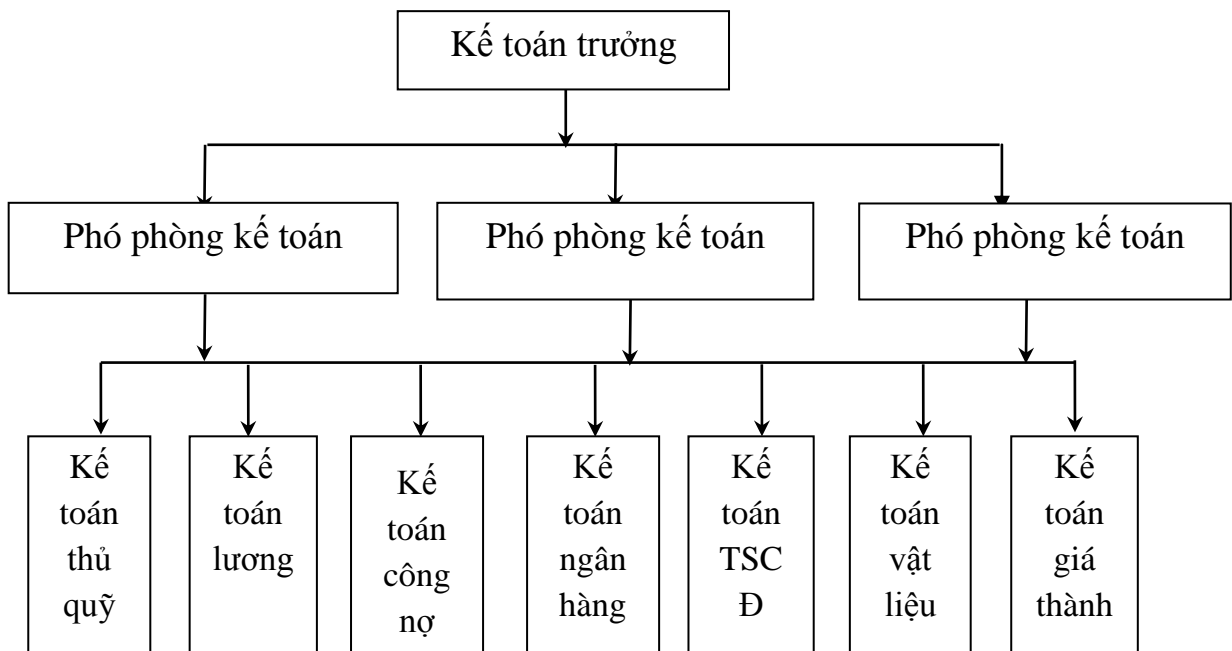
*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV*

nhằm thu khối lượng của Công ty. Lập kế hoạch khảo sát địa hình, đo vẽ bản đồ địa hình, tính toán kiểm tra nghiệm thu sản lượng.

- **Phòng Kỹ thuật an toàn:** Giúp giám đốc về công tác kỹ thuật an toàn - BHLĐ nghiên cứu đề xuất hướng dẫn thực hiện các chế độ, quy trình, quy phạm, về kỹ thuật an toàn theo quy định của nhà nước.

**2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty CP than Hà Tu – TKV.**

**Sơ đồ :Bộ máy kế toán tại Công ty**



+ **Kế toán trưởng:** là người đứng đầu bộ máy kế toán của Công ty, chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn và kiểm tra toàn bộ công tác kế toán tài chính của Công ty.

+ **Phó phòng kế toán:** là viên chức lãnh đạo bộ phận thống kê, tài sản, bộ phận giá thành tham mưu giúp việc Kế toán trưởng, chịu trách nhiệm trước Kế toán trưởng trong lĩnh vực được phân công.

+ **Nhân viên kế toán giá thành:** Ghi chép cập nhật, phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, mọi giá trị tài sản, vốn sản xuất, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ của Công ty, lập báo cáo giá thành công đoạn, giá thành toàn bộ trong sản xuất kinh doanh, làm quyết toán tài chính theo tháng quý năm, xác định lỗ, lãi trong kỳ kế hoạch cũng như trong các dịch vụ kinh doanh khác.

+ **Nhân viên kế toán vật liệu:** Theo dõi nhập xuất nguyên vật liệu, đối

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO***

---

chiếu số lượng, chất lượng vật tư nhiên liệu giữa sổ sách và thực tế tồn kho, kiểm tra đối chiếu các hợp đồng và chứng từ mua bán vật tư nguyên liệu, lập phiếu xuất nhập vật tư và làm chứng từ thanh quyết toán.

+ ***Nhân viên kế toán TSCĐ***: mở sổ theo dõi các loại TSCĐ huy động vào sản xuất, tài sản không dùng và tài sản đề nghị thanh lý, lập báo cáo kiểm kê, xác định từng chủng loại tài sản, theo dõi việc sửa chữa lớn TSCĐ, xác định tỷ lệ khấu hao, lập báo cáo thống kê theo định kỳ việc sửa chữa lớn và duy tu.

+ ***Nhân viên kế toán ngân hàng***: mở sổ theo dõi các tài khoản Công ty giao dịch với ngân hàng, tiền vay tiền gửi, làm thủ tục trả tiền đúng bảo hiểm, thuế và các khoản phải nộp khác. Lập báo cáo thống kê theo định kỳ các phần việc được phân công.

+ ***Nhân viên kế toán công nợ***: mở sổ theo dõi đối chiếu các khoản thu chi, tổ chức thu hồi công nợ, làm các thủ tục nộp ngân sách nhà nước, xây dựng các quy chế quản lý công nợ, Lập báo cáo thống kê theo định kỳ các phần việc được phân công.

+ ***Nhân viên kế toán lương***: tính toán và thanh toán tiền lương và các chế độ đối với CBCNV, thu các khoản tạm ứng lương, các khoản đúng quỹ, tiền đúng BHXH, BHYT, tổng hợp các chứng từ, thanh quyết toán với BHXH, lập báo cáo thống kê theo định kỳ phần việc được giao.

+ ***Nhân viên thủ quỹ***: quản lý an toàn tuyệt đối tiền mặt, tín phiếu, ngân phiếu, ngoại tệ ... Các chứng chỉ có giá trị bằng tiền của Công ty, mở sổ theo dõi các khoản thu, chi với khách hàng và cán bộ công nhân viên. Phối hợp cùng kế toán thanh toán làm các thủ tục nộp ngân sách nhà nước và Tập đoàn.

## ***2.1.6. Đặc điểm vận dụng chế độ Kế toán.***

### ***2.1.6.1. Tổ chức công tác kế toán.***

Hiện nay Công ty đang tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Hình thức sổ kế toán mà công ty đã và đang áp dụng là hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ và các phần hành kế toán hầu hết đều đ- ợc cơ giới hoá.

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo ph- ơng pháp kê khai th- ờng xuyên giá trị hàng tồn kho bao gồm giá mua cộng với thuế nhập khẩu, chi phí vận chuyển, bốc dỡ...

Đối với tài sản cố định đ- ợc phản ánh theo nguyên giá, hao mòn và giá trị



*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV*

---

còn lại. Nguyên giá đánh giá tài sản theo tỉ lệ còn lại thực tế ứng với giá thị trường tại thời điểm đánh giá, khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng - ước tính của tài sản phù hợp với tỉ lệ khấu hao quy định tại quyết định số 206/2003/QĐ - BTC ngày 12/12/2003 của Bộ tài chính. Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đều theo thời gian.

Công ty CP than Hà Tu – TKV sử dụng đầy đủ các chứng từ theo đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành như: Phiếu thu, phiếu chi, biên bản kiểm kê quỹ, giấy đề nghị thanh toán, giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tạm ứng, giấy xác nhận số d-, uỷ nhiệm chi, phiếu chuyển khoản, hoá đơn bán hàng, hoá đơn thuế GTGT, hoá đơn kiêm phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, hoá đơn tiền điện, nước, giấy biên nhận, biên bản giao nhận tài sản cố định, biên bản thanh lý tài sản cố định, biên bản đánh giá lại tài sản cố định, một số chứng từ liên quan khác vv....

Các chính sách kế toán chung tại Công ty Cổ Phần than Hà Tu được áp dụng theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp, cụ thể:

+ Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển gồm:

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền;

- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

+ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: theo giá thực tế;

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên;

+ Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình: theo nguyên giá tài sản cố định;

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình: theo Quyết định số 206/2003 của Bộ tài chính ngày 12/12/2003 và khấu hao theo đường thẳng.

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO*

---

+ Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

+ Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu: nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế.

+ Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu: Doanh thu bán hàng; doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính.

+ Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.

+ Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

*2.1.6.2. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán.*

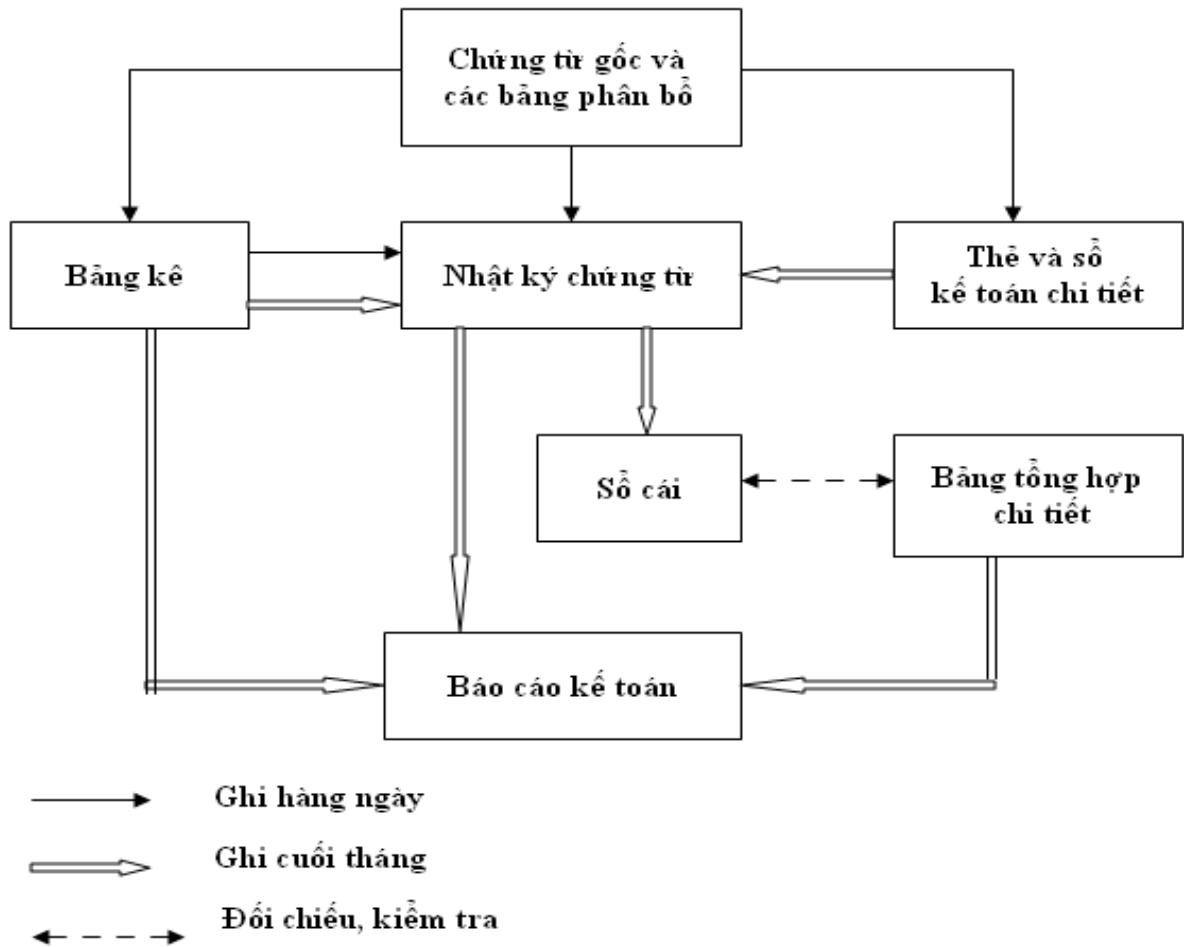
Để ghi chép, hệ thống hoá thông tin, kế toán Công ty than Hà Tu thống nhất áp dụng hình thức kế toán Nhật ký- chứng từ

Hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ cái;
- Sổ chi tiết;

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ là tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản (TK) kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các TK đối ứng Nợ.

**Sơ đồ: Hạch toán theo hình thức Nhật ký - Chứng từ.**



**Trình tự ghi sổ kế toán như sau:**

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán đó được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc bảng kê, sổ chi tiết có liên quan. Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, phải tập hợp, lập bảng phân bổ sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các bảng kê và Nhật ký - Chứng từ có liên quan. Đối với các Nhật ký- Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của các bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ. Cuối tháng, kế toán khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thê kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ để ghi trực tiếp vào sổ cái.

**2.1.6.3. Chế độ kế toán.**

## ***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO***

---

Hiện nay, Công ty cổ phần than Hà Tu tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Công ty sử dụng đầy đủ các chứng từ theo đúng chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định áp dụng cho tập đoàn ban hành kèm theo Quyết định số 1195 ngày 25/10/2001 và Quyết định số 1895 ngày 06/9/2005 của Hội đồng quản trị than Việt Nam. Công ty áp dụng 22 chuẩn mực kế toán Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 và Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Chế độ kế toán áp dụng theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp các quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành theo QĐ 1195 ngày 25/10/2001, QĐ 1895 ngày 06/9/2005 của HĐQT than Việt Nam.

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 năm báo cáo.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: Đồng Việt Nam

- Hình thức kế toán kết hợp giữa việc ghi chép theo thứ tự thời gian với việc ghi sổ theo hệ thống giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, giữa việc ghi chép hàng ngày với việc tổng hợp số liệu báo cáo cuối tháng.

### **2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần than Hà Tu – TKV.**

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là sản xuất và kinh doanh dịch vụ nên công tác kế toán tiêu thụ, doanh thu cung cấp dịch vụ và xác định kết quả kinh doanh được các nhà quản lý đặc biệt quan tâm. Không chỉ là mục tiêu lợi nhuận mà quan trọng là chất lượng và khả năng cung cấp dịch vụ, đáp ứng nhu cầu kinh tế của doanh nghiệp. Hơn nữa, quá trình này phản ánh tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, là cơ sở để xác định nguồn tài chính, phục vụ cho những chiến lược mang tính tài chính của công ty.

#### **2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

##### **2.2.1.1. Đặc điểm.**

Doanh thu là tổng hợp giá trị các lợi ích kinh tế của doanh nghiệp thu đ-ợc trong kỳ kế toán phát sinh từ hoạt động sản xuất thông th-ờng của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO*

---

+ Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu SP hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua.

+ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Khi có nhu cầu, khách hàng liên hệ với công ty qua các đơn đặt hàng. Việc giao dịch được thực hiện theo phương thức trực tiếp và được tiến hành căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết giữa hai bên dựa vào việc xác định từ quyền hạn và trách nhiệm của mỗi bên.

Hình thức thanh toán sẽ được thực hiện thông qua các hợp đồng kinh tế. Thông thường, khách hàng thanh toán tiền bằng chuyển khoản. Tùy theo từng hợp đồng mà khách hàng có thể thanh toán sau khi nhận toàn bộ số hàng trong hợp đồng nhưng trong trường hợp một đơn hàng được chia thành nhiều lần giao hàng thì khách hàng có thể thanh toán sau mỗi lần giao nhận hàng.

*2.2.1.2. Các tài khoản sử dụng:*

- TK 131: “Phải thu của khách hàng” được mở chi tiết cho từng khách hàng.

- TK 333: “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”

- TK 511: “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

*2.2.1.3. Chứng từ kế toán sử dụng:*

- Hoá đơn giá trị gia tăng. Hoá đơn GTGT được lập thành 3 liên:

+ Liên 1: Lưu tại phòng tài chính kế toán của công ty.

+ Liên 2: giao cho khách hàng.

+ Liên 3: dùng để thanh toán và ghi sổ kế toán

- Các chứng từ thanh toán như: phiếu thu, giấy báo Có của ngân hàng.

*2.2.1.4. Sổ sách kế toán sử dụng:*

- Sổ chi tiết TK 131, 511.

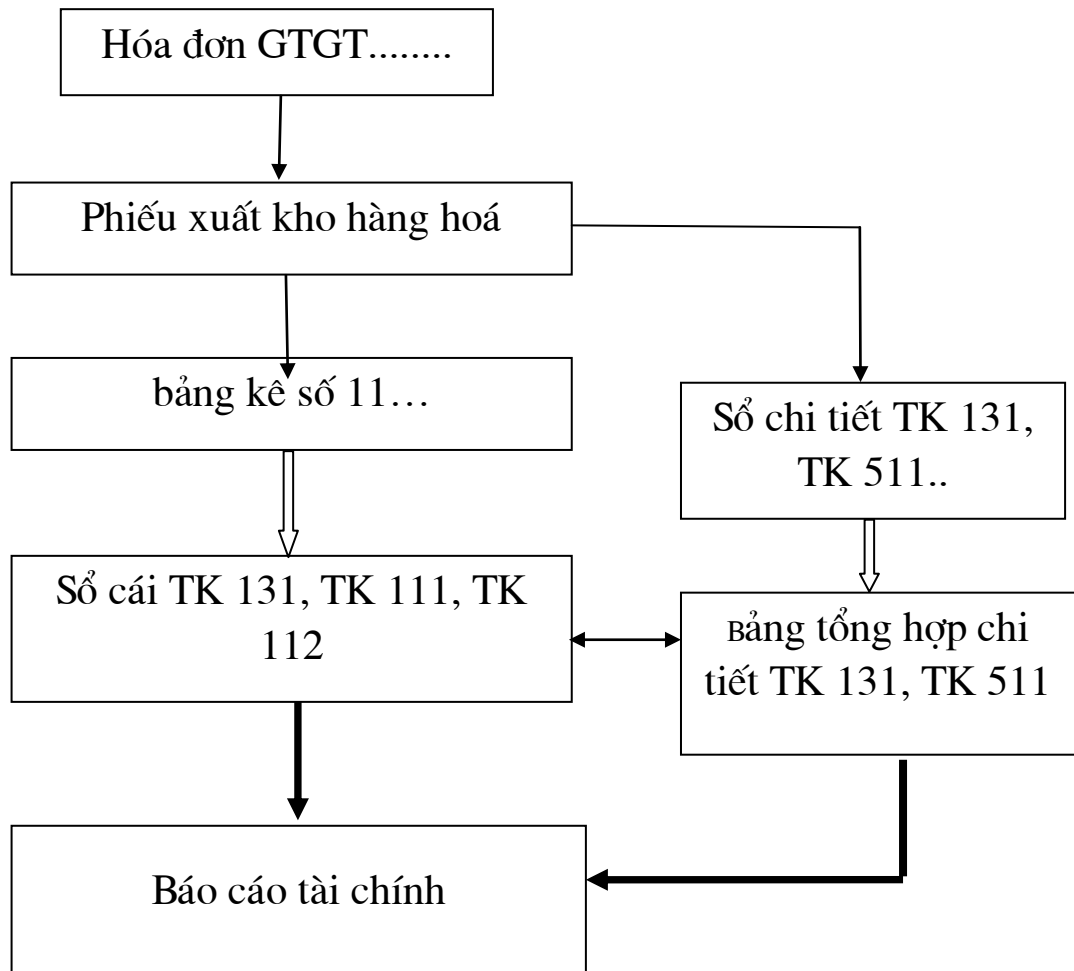
- Sổ tổng hợp chi tiết TK 131.511

- Nhật ký chứng từ số 8.

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO*

- Bảng kê số 11, 1,2
- Sổ cái các TK 511, 131, 333.

2.2.1.5. Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu tại công ty như sau:



*Ghi chú:*

- Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$
- Ghi cuối tháng:  $\Longrightarrow$
- Ghi cuối quý:  $\longrightarrow$
- Đối chiếu:  $\longleftrightarrow$

**Giải thích sơ đồ:**

Dựa vào số lượng hàng đó giao và hợp đồng kinh tế đó ký kết, kế toán ghi hoá đơn GTGT.

+ Nếu khách hàng trả tiền ngay có thể bằng tiền mặt (kế toán viết phiếu thu tương ứng với số tiền khách hàng thanh toán) hoặc chuyển khoản ngay trong

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO*

---

ngày (nhận được giấy báo Có của ngân hàng), kế toán định khoản:

Nợ TK: 111, 112

Có TK: 511

Có TK: 3331

+ Nếu khách hàng có yêu cầu thanh toán chậm, kế toán định khoản:

Nợ TK : 131

Có TK: 511

Có TK: 3331

Dựa vào hoá đơn GTGT và các chứng từ thanh toán, kế toán tiến hành vào các sổ liên quan:

- Sổ chi tiết TK 131, sổ chi tiết TK 511

- Bảng kê số 11

Cuối quý kế toán tổng hợp vào nhật ký chứng từ số 8, sổ cái các TK 131, 511, bảng tổng hợp chi tiết...

Định kỳ, cuối quý kế toán tổng hợp số liệu từ các nhật ký chứng từ, bảng kê, sổ cái các TK và bảng tổng hợp chi tiết để lập báo cáo tài chính.

**Ví dụ:** Ngày 28/12/2009. Công ty bán than cho công ty tuyển than Hòn Gai – TKV. Đơn giá 4,156,885 VNĐ, chưa thanh toán.

Hạch toán:

Nợ TK 131:            4,156,885 VNĐ

Có TK 5111:        3,778,987 VNĐ

Có TK 3331:        377,898 VNĐ

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO*

*Mẫu số 01 GTGT*

**HOÁ ĐƠN**  
**Giá trị gia tăng**

XV/2008E  
Số 0061658

Liên 3: Nội bộ

Ngày 28 tháng 12 năm 2009

**Đơn vị bán hàng:** Công ty than Hà Tu - TKV  
**Địa chỉ:** Tổ 6- khu 3-phường Hà Tu – TP Hạ Long  
**Điện thoại:** 0333 835 169      **MST:** 5700101328

**Họ tên người mua hàng:** Lưu Quốc Ái  
**Tên đơn vị:** Công ty tuyển than Hòn Gai  
**Địa chỉ:** 46 - Đoàn Thị Điểm – TP Hạ Long  
**Số tài khoản:**

Hình thức thanh toán: chưa T<sup>2</sup>

MST : 5760100256662

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Than cám 6a	Tấn	4.47	845,411	3,778,987
	Cộng				3,778,987
	Thuế suất GTGT: 10%				377,898
	<b>Tổng tiền thanh toán</b>				<b>4,156,885</b>

Số tiền viết bằng chữ: *(Bốn triệu một trăm lăm sáu nghìn tám trăm tám lăm đồng chẵn)*

Người mua hàng  
*( ký, ghi rõ họ tên)*

Kế toán trưởng  
*( ký, ghi rõ họ tên)*

Thủ trưởng ĐV  
*( ký, ghi rõ họ tên)*



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH TKV CHỨNG NHẬN**

*Đơn vị giao than :* Công ty cổ phần than Hà Tu – TKV

*Đơn vị nhận than:* Công ty tuyển than Hòn Gai – TKV

*Cảng rớt:* Quyết Thắng

*Thời gian rớt hàng:* 28 tháng 12 năm 2009

**KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG THAN**

<i>Phương tiện / Lô hàng</i>	<i>Loại than</i>	<i>Khối lượng ( tấn)</i>
Than giao nhận	Cám 6a	4,47

**Khối lượng tổng cộng: 4,47 tấn**

**Viết bằng chữ : Bốn tấn, bốn trăm bảy mươi kilogram.**

Người cấp  
*(ký, ghi rõ họ tên)*

Giám đốc  
*(ký, ghi rõ họ tên)*

**Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV**

**Mẫu số S31-DN** (Ban hành theo QĐ  
Số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTBTC)

**SỔ CHI TIẾT TK 131**

**TK 131 - Phải thu khách hàng**

**Đối tượng : Công ty tuyển than Hòn Gai - TKV  
tháng 12 năm 2009**

Đơn vị tính : VND

Chứng từ		Diễn giải	TK Đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
		<b>Số dư đầu kỳ</b>				<b>36,730,935,456</b>	
		.....		....	.....	....	
61644	16/12	Giao hàng theo HĐ, công ty chưa TT	511	21,500,000			
			3331	2,150,000			
56671	21/12	Công ty thanh toán qua ngân hàng	112		55,000,000		
61658	28/12	Giao hàng theo HĐ, công ty chưa TT	511	3,778,987			
			3331	377,898			
		.....		....	.....	....	
		<b>Cộng phát sinh tháng 12</b>		<b>50,582,316,740</b>	<b>87,205,600,000</b>		
		<b>Số dư cuối kỳ</b>				<b>107,652,196</b>	

**Người ghi sổ**  
( ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( ký, họ tên)

**Giám đốc**  
( ký, họ tên, đóng dấu)

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO*

Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV

Mẫu số S04b11-DN

(Ban hành theo QĐ Số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTBTC)

**Bảng kê số 11**  
**Tên TK 131 - Phải thu khách hàng**  
**Tháng 12 năm 2009**

ĐVT : VNĐ

STT	Diễn giải	Số dư đầu kỳ	Ghi nợ TK 131, Ghi có các TK				Ghi có Tk 131, Ghi nợ các TK				Dư nợ cuối kỳ
		Nợ	511	333	...	Cộng nợ	112	331	...	Cộng có	
1	CT Tuyển than Hòn Gai	36,730,935,456	48,238,015,701	2,418,393,513	.....	50,582,316,740	87,100,000,000	105,600,000		87,205,600,000	107,652,196
2	Công ty kho vận Hòn Gai - TKV	47,402,722,054	93,066,101,914	4,657,984,521		97,763,818,435	126,000,000,000	630,000,000		126,630,000,000	18,536,540,489
3	Công ty cổ phần than Hà Lâm	11,490,271	304,031,413	33,097,301		313,195,852					324,686,123
4	Công ty cổ phần Than Núi Béo	360,238,774	366,369,651	36,636,965		403,006,616	360,238,774	222,178,000		582,416,774	180,828,616
5	Tổng công ty Đông Bắc		1,355,826,222	499,128,470		5,490,413,167					5,490,413,167
9	.....	.....	....	..	.....	....	.....	...	.....	....	....
<b>10</b>	<b>Cộng</b>	<b>89,922,840,949</b>	<b>148,203,389,401</b>	<b>7,645,240,770</b>	<b>.....</b>	<b>159,799,646,782</b>	<b>227,361,248,861</b>	<b>957,778,000</b>	<b>...</b>	<b>228,323,350,581</b>	<b>30,517,592,375</b>

Người ghi sổ  
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, ghi rõ họ tên)

Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV

**BẢNG TỔNG HỢP TK 131**  
**Tên TK 131 - Phải thu khách hàng**  
**Tháng 12 năm 2009**

Đơn vị tính : VNĐ

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty tuyển than Hòn Gai	36,730,935,456		50,582,316,740	87,205,600,000	107,652,196	
2	Công ty kho vận Hòn Gai - tkv	47,402,722,054		97,763,818,435	126,630,000,000	18,536,540,489	
3	Công ty cổ phần than Hà Lầm	11,490,271		313,195,852		324,686,123	
4	Công ty cổ phần than Núi Béo	360,238,774		403,006,616	582,416,774	180,828,616	
5	Tổng công ty Đông Bắc			5,490,413,167		5,490,413,167	
	.....	....	...	.....	.....	...	....
	<b>Cộng</b>	<b>89,922,840,949</b>		<b>159,799,646,782</b>	<b>228,323,350,581</b>	<b>30,517,592,375</b>	

**người ghi sổ**  
*(ký, ghi rõ họ tên)*

**kế toán trưởng**  
*(ký, ghi rõ họ tên)*

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO*

Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV

**Mẫu số S04a8-DN**  
(Ban hành theo QĐ Số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTBTC)

**NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8**  
**Tháng 12 năm 2009**

Đơn vị tính : VNĐ

Số T T	Số hiệ u TK ghi nợ	TK ghi nợ													...	Cộng	
		TK 155	TK 131	TK 511	TK 632	Tk 641	Tk 642	Tk 515	Tk 635	Tk 711	Tk 811	Tk 821	Tk 911				
		TK ghi có															
1	111	Tiền mặt		3,335,550	11,971,747								21,204,010				
2	112	Tiền gửi ngân hàng		227,361,248,861					263,742,638				14,163,315				
3	152	Nguyên vật liệu											109,648,000				
4	153	Công cụ, dụng cụ											38,010,000				
5	138	Phải thu khác											224,916,182				
6	131	Phải thu khách hàng			148,203,389,401								3,796,438,619				
7	331	Phải trả người bán								110,000,000			1,340,181,176				
8	511	Doanh thu bán hàng và cung cấp DV														148,795,749,637	
9	632	Giá vốn hàng bán	71,347,416,494														
10	911	Xác định kết quả KD				75,031,360,128	23,455,493,002	7,215,170,107			7,905,642,872		6,181,717,260	6,339,525,079			
	.....		.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
11		<b>Cộng</b>	71,347,416,494	228,323,350,581	148,795,749,637	80,816,283,387	23,455,493,002	7,215,170,107	373,742,638	7,905,642,872	5,544,561,302	6,181,717,260	6,339,525,079	171,572,784,934			

Công ty cổ phần Than Hà Tu TKV

**Mẫu số S05-DN**  
(Ban hành theo QĐ Số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của BTBTC)

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 131**  
**Tên TK 131 - Phải thu khách hàng**  
**Tháng 12 năm 2009**

Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009	
Nợ	Có
117,303,461,116	

ĐVT : VNĐ

TK ghi có đ/ứng bên nợ TK này	tháng 1	Tháng 2	...	tháng 11	tháng 12	tổng cộng cả năm
331		-	-	-	39,732,000	39,732,000
333	10,028,882,119	-	-	7,265,515,765	7,903,265,314	83,990,584,733
3388	10,182,090			15,858,063	-143,178,552	23,773,598
511	99,569,652,681			143,318,129,725	148,203,389,401	1,553,032,140,475
711	719,168,500			215,797,672	3,796,438,619	9,075,263,230
....	..	..	..	....	....	.....
<b>Cộng Nợ</b>	<b>110,327,885,390</b>	-	-	<b>150,815,301,225</b>	<b>159,799,646,782</b>	<b>1,646,161,494,036</b>
<b>Cộng Có</b>	<b>74,349,161,218</b>	-	-	<b>106,971,266,236</b>	<b>228,323,350,581</b>	<b>1,742,087,879,665</b>
<b>Số dư Nợ</b>	<b>153,282,185,288</b>	-	-	<b>89,900,779,286</b>	<b>21,377,075,487</b>	<b>21,377,075,487</b>
<b>Số dư Có</b>						

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Công ty cổ phần Than Hà Tu - TKV

Mẫu số S05-DN ( Ban hành theo QĐ SỐ  
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của  
BTBTC)

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 511**

**Tên TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**tháng 12 năm 2009**

<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009</b>	
Nợ	

<b>TK ghi có d/ứng bên nợ TK này</b>	<b>Tháng 1</b>	<b>...</b>	<b>...</b>	<b>tháng 11</b>	<b>tháng 12</b>	<b>tổng cộng cả năm</b>
111	....	...	..	....	....	...
112	....	...	...	...	....	....
421	....	...	..	.....	...	..
632	....			....	...	..
911	99,786,415,317			143,612,958,275	148,795,749,637	1,559,447.569,161
<b>Cộng Nợ</b>	<b>99,786,415,317</b>	-	-	<b>143,612,958,275</b>	<b>148,795,749,637</b>	<b>1,559,447.569,161</b>
<b>Cộng Có</b>	<b>99,786,415,317</b>	-	-	<b>143,612,958,275</b>	<b>148,795,749,637</b>	<b>1,559,447.569,161</b>
<b>Số dư Nợ</b>						
<b>Số dư Có</b>						

**Người ghi sổ**  
( ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( ký, họ tên)

**Giám đốc**  
( ký, họ tên, đóng dấu)

### **2.2.2 Hạch toán giá vốn hàng bán.**

Để phản ánh giá vốn hàng xuất bán công ty sử dụng TK 632 – Giá vốn hàng bán.

Trị giá vốn hàng xuất bán trong kì tại công ty được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ. Theo phương pháp này, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị của từng loại hàng tồn kho được mua trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.

#### **2.2.2.1. Tài khoản sử dụng:**

- TK 155: “Thành phẩm”
- TK 632: “Giá vốn hàng bán”
- Các TK khác có liên quan.

#### **2.2.2.2. Chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng:**

- Phiếu xuất kho, hoá đơn GTGT...
- Bảng kê số 8, nhật ký chứng từ số 8.
- Sổ cái các TK 155, 632.

#### **2.2.2.3. Quy trình hạch toán:**

- Giá vốn hàng xuất được căn cứ vào bảng tính giá thành do kế toán cung cấp.
- Giá thành được tính chi tiết cho từng mặt hàng trong từng đơn đặt hàng, từng hợp đồng kinh tế gồm các chi phí về nguyên phụ liệu, nhân công trực tiếp,...

Khi phát sinh nghiệp vụ giao hàng cho khách, căn cứ vào phiếu xuất kho, hoá đơn GTGT, bảng tính giá thành và các chứng từ khác có liên quan kế toán định khoản:

Nợ TK: 632

Có TK: 155

Căn cứ vào các chứng từ gốc đó kế toán vào bảng kê số 8, sổ chi tiết giá vốn hàng bán. Cuối tháng kế toán tổng hợp số liệu vào nhật ký chứng từ số 8 và sổ cái TK 632.

*Ví dụ:* kế toán xác định giá vốn cho lô hàng xuất giao cho công ty tuyển than Hòn Gai– TKV ngày 28 tháng 12 năm 2009



*Công ty CP than Hà Tu - TKV*

*Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*

*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

*Hà Tu, ngày 28 tháng 12 năm 2009*

## **LỆNH XUẤT THAN**

**Kính gửi:**

- *Công ty cổ phần giám định - TKV*
- *Công ty tuyển than Hòn Gai - TKV*
- *Phòng ĐKSX, KTTK*
- *Các đơn vị giao than*

Căn cứ kế hoạch điều hành tiêu thụ tháng 12/2009 của tập đoàn CN Than  
Khoảng sản Việt Nam giao cho công ty Cổ phần Than Hà Tu – TKV.

Căn cứ kế hoạch sản xuất của công ty:

Tên khách hàng: *Công ty cổ phần than Hà Tu – TKV*

Phương tiện xuất hàng: *Ô tô của Công ty cổ phần than Hà Tu – TKV*

Địa điểm giao nhận: *Cảng Quyết Thắng – Công ty tuyển than Hòn Gai*

Lý do xuất than: Bán

<b>ST T</b>	<b>Tên hàng</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>		<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
			<b>Yêu cầu</b>	<b>Thực xuất</b>			
	<i>Cám 6a</i>	<i>Tấn</i>	<i>4,47</i>	<i>4,47</i>			<i>Kho 1A</i>
	<b>Tổng cộng</b>			<b>4,47</b>			

Thời gian xuất hàng: Từ ca 1 đến hết ca 3 ngày 28 tháng 12 năm 2009

(Số lượng từng chủng loại có thể thay đổi theo điều kiện thực tế)

**GIÁM ĐỐC**

*(ký, ghi rõ họ tên)*

Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV

Mẫu số S04b8-DN ( Ban hành theo QĐ Số 15/2006/QĐ-  
BTC ngày 20/3/2006 của BTBTC)

**BẢNG KÊ SỔ 8 NHẬP - XUẤT - TỒN KHO**  
**Tên TK 155 - Thành phẩm**  
**Tháng 12 năm 2009**

Đơn vị tính : VNĐ

**Số dư đầu kỳ : 54,904,664,688**

Stt	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 155, ghi có TK khác		Ghi có TK 155 , ghi nợ Tk khác	
	SH	NT		TK 154	Cộng nợ Tk 155	TK 632	Cộng có Tk 155
1	PN 29	6/12/09	Nhập kho thành phẩm	435,069,900	435,069,900		
2	PX 56	15/12/09	Giao hàng theo HĐ 60255			156,798,322	156,798,322
			.....	.....	.....	.....	.....
3	PX 67	22/12/09	Giao hàng theo HĐ 61658			3,531,500	3,531,500
4	PN 30	27/12/09	Nhập kho thành phẩm	1,299,631,452	1,299,631,452		
			.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Tổng cộng</b>	<b>49,330,759,692</b>	<b>49,330,759,692</b>	<b>71,347,416,494</b>	<b>71,347,416,494</b>

Người ghi sổ  
( ký , họ tên )

Số dư cuối kỳ: 30,028,042,142  
Kế toán trưởng  
( ký , họ tên )

Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV

## BẢNG KÊ CHI TIẾT TK 632

**Tên TK 632 - Giá vốn hàng bán**

*Tháng 12 năm 2009*

DIỄN GIẢI	Ghi nợ TK 632 - Ghi có các TK			Ghi có TK 632 - Ghi nợ các TK				
	.....	155	154	Cộng nợ TK	....	159	911	Cộng có TK
<b>- Giá vốn sản phẩm than</b>		<b>71,347,416,494</b>	-	<b>71,347,416,494</b>		<b>5,784,923,259</b>	<b>65,562,493,235</b>	<b>71,347,416,494</b>
<b>- Giá vốn khác</b>		<b>0</b>	<b>7,124,302,262</b>	<b>9,468,866,893</b>		<b>0</b>	<b>9,468,866,893</b>	<b>9,468,866,893</b>
Chi phí cho thuê xe			72,737,191	72,737,191			72,737,191	72,737,191
CP SC DB đồng cho xe chạy qua			326,421,176	326,421,176			326,421,176	326,421,176
Chi phí hoạt động PX VH TT			227,407,019	227,407,019			227,407,019	227,407,019
bàn giao vỉa 1			1,355,826,222	1,355,826,222			1,355,826,222	1,355,826,222
Rót than qua máng			314,200,915	314,200,915			314,200,915	314,200,915
CP khoan thuê Núi bèo			40,380,000	40,380,000			40,380,000	40,380,000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>CỘNG</b>		<b>71,347,416,494</b>	<b>7,124,302,262</b>	<b>80,816,283,387</b>		<b>5,784,923,259</b>	<b>75,031,360,128</b>	<b>80,816,283,387</b>

**Kế toán trưởng**

Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV

Mẫu số S05-DN ( Ban hành theo QĐ  
SỐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006  
của BTBTC)

**SỔ CÁI TK 155**  
**Tên TK 155 - Thành phẩm**  
**Tháng 12 năm 2009**

Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009	
Nợ	Có
54,904,664,688	

Đơn vị tính : VND

TK ghi có Đ/r bên nợ TK này	.....	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tổng cộng cả năm
111						
154		98,149,797,261	106,107,658,226	134,340,807,232	49,330,759,692	1,306,942,118,152
331		97,953,000		16,531,000		114,484,000
338						
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>Cộng Nợ</b>		<b>98,247,750,261</b>	<b>106,107,658,226</b>	<b>134,357,338,232</b>	<b>49,330,759,692</b>	<b>1,307,056,602,152</b>
<b>Cộng Có</b>		<b>127,350,779,738</b>	<b>121,474,770,096</b>	<b>130,520,578,009</b>	<b>71,347,416,494</b>	<b>1,331,993,224,698</b>
<b>Số dư nợ</b>		<b>63,575,050,591</b>	<b>48,207,938,721</b>	<b>52,022,698,944</b>	<b>30,028,042,142</b>	<b>30,028,042,142</b>
<b>Số dư có</b>						

Người ghi sổ  
( ký , họ tên )

Kế toán trưởng  
( ký , họ tên )

Giám đốc  
( ký , họ tên )

Công ty cổ phần Than Hà Tu - TKV

Mẫu số S05-DN (Ban hành theo QĐ SỐ 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/3/2006 của BTBTC)

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 632**  
**tên Tk 632 - Giá vốn hàng bán**

*tháng 12 năm 2009*

Số d ngày 1 tháng 1 năm 2009	
Nợ	Có

TK ghi có đ/ứng bên nợ TK này	tháng 1	tháng 2	...	tháng 10	tháng 11	tháng 12	tổng cộng cả năm
111	...	...	.. ..	...	....	....	....
131	...	...	.. ..	...	....	....	....
152	...	...	.. ..	533,975,911	...	...	533,975,911
154	888,845,801	2,320,368,170	.. ..	1,448,682,277	2,172,973,389	7,124,302,262	29,224,391,262
155	89,059,480,930	112,055,177,862	.. ..	121,474,770,096	130,520,578,009	71,347,416,494	1,331,933,224,698
2412	...	...	.. ..	....	....	22,552,781	22,552,781
2413	...	...	.. ..	...	....	2,322,011,850	2,322,011,850
...	...	...	.. ..	...	....	...	...
<b>Cộng Nợ</b>	<b>89,948,326,731</b>	<b>114,375,546,032</b>		<b>123,457,428,284</b>	<b>132,693,551,398</b>	<b>80,816,283,387</b>	<b>1,358,251,233,243</b>
<b>Cộng Có</b>	<b>89,948,326,731</b>	<b>114,375,546,032</b>		<b>123,457,428,284</b>	<b>132,693,551,398</b>	<b>80,816,283,387</b>	<b>1,358,251,233,243</b>
Số dư Nợ							
Số dư Có							

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

### **2.2.3. Hạch toán chi phí bán hàng.**

#### **2.2.3.1. Nội dung:**

Quá trình bán hàng là giai đoạn cuối cùng của sản xuất kinh doanh, nó có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với các doanh nghiệp vì quá trình này chuyển hoá vốn từ hình thái hiện vật sang hình thái tiền tệ, giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn để tiếp tục sản xuất kinh doanh. Từ vai trò quan trọng đó đòi hỏi doanh nghiệp phải có những phương pháp hạch toán chứng từ và sổ sách phù hợp và chính xác thường xuyên theo dõi tình hình biến động của từng loại hàng hoá, các khoản doanh thu.

Chi phí bán hàng là những chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, cung cấp hàng hoá dịch vụ bao gồm: chi phí chào bán, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.....

Công ty không bán lẻ các sản phẩm nên trong chi phí bán hàng của công ty không có chi phí về tiền lương nhân viên bán hàng mà chỉ bao gồm một số khoản chi liên quan đến quá trình đóng gói, vận chuyển hàng hoá như: chi phí bao bì, cước vận chuyển, ...

#### **2.2.3.2. Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 641: “Chi phí bán hàng”. Trong đó:
  - + TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
  - + TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
  - + TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.
- Các tài khoản khác có liên quan: 111, 112,...

#### **2.2.3.3. Sổ sách chứng từ kế toán sử dụng:**

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo Nợ của ngân hàng.
- Bảng kê chi tiết TK 641
- Bảng kê số 5
- Nhật ký chứng từ số 8
- Sổ cái TK 641
- Các sổ sách khác có liên quan.

**Ví dụ:** Ngày 22/12/2009 công ty thanh toán tiền cước vận chuyển cho công ty TNHH TM&VT Hoàng Long bằng TM với tổng tiền thanh toán là 5,250,000đ, thuế suất 5% theo HĐ 00411680.

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO*

**HOÁ ĐƠN**

Mẫu số 01/GTKT - 2LN

**Giá trị gia tăng**

ML/2008B

Liên 2: Giao cho khách hàng

Số 0041680

Ngày 22 tháng 12 năm 2009

**Đơn vị bán hàng:** Công ty TNHH TM & VT Hoàng Long

Địa chỉ: Số 516 - Tôn Đức Thắng - Hạ Long

Điện thoại: 0333 712 905 MST: 0200587917

**Họ tên người mua hàng:** Phạm Văn Đức

Tên đơn vị: Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV

Địa chỉ: tổ 3 - khu 6 - phường Hà Tu - Hạ Long

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt MST: 5700101328

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cước vận chuyển				5,000,000
	Cộng				5,000,000
	Thuế suất GTGT: 5%				250,000
	<b>Tổng tiền thanh toán</b>				<b>5,250,000</b>

Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.

**Người mua hàng**

(Ký, họ tên)

**Người bán hàng**

(Ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, họ tên)

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV*

---

**Công ty cổ phần than Hà Tu -**

**TKV**

**Mẫu số 02 – TT**

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**Số : 1949**

**PHIẾU CHI**

*Ngày 22 tháng 12 năm 2009*

**Nợ: 641**

**Nợ: 133**

**Có: 111**

Họ và tên người nhận tiền: **Phạm Văn Đức**

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do: Thanh toán tiền cước vận chuyển

Số tiền: **5,250,000 đ**

Bằng chữ: Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc: .....

Đã nhận đủ số tiền: .....

**Thủ trưởng đơn vị**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Người lập**

*(Ký, họ tên)*

**Thủ quỹ**

*(Ký, họ tên)*

**Người nhận tiền**

*(Ký, họ tên)*



Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV

Mẫu số S31-DN (Ban hành theo QĐ Số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/3/2006 của BTBTC)

**SỔ CHI TIẾT TK 641**

**Tên TK 641 - Chi phí bán hàng**

**tháng 12 năm 2009**

Đơn vị tính : VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK Đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
		<b>Số dư đầu kỳ</b>					
		.....		....	.....	....	
1938	21/12	Chi phí vận chuyển cho công ty Than Núi Béo	111	8,900,000			
1949	22/12	Chi phí vận chuyển cho công ty Tuyển Than Hòn Gai	111	5,250,000			
		.....	.....	....	.....	....	
		<b>Cộng phát sinh tháng 12</b>		<b>23,455,493,002</b>			

**Người ghi sổ**  
( ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( ký, họ tên)

**Giám đốc**  
( ký, họ tên, đóng dấu)

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO*

Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV

Mẫu số S04b5-DN ( Ban hành theo QĐ Số15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của BTBTC)

**BẢNG KÊ SỔ SỐ 5**

Tập hợp : - TK 641, TK 642 - Chi phí bán hàng và QLDN  
Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

Số TT	các TK ghi có		TK 111	TK 112	TK152	TK 311	TK 334	TK 154	....	CỘNG
	Các TK ghi nợ									
1	<b>TK 641 - Chi phí bán hàng</b>								.....	
2	chi phí nhân viên						662,978,700	5,196,585,512	.....	6,138,589,843
3	CP Nguyên nhiên VL							10,725,386,463	....	10,725,386,460
4	CP Dụng cụ , đồ nghề								....	0
5	CP khấu hao TSCĐ							5,217,219,475	....	5,217,219,475
6	CP bảo hành									0
7	CP Dịch vụ mua ngoài					1,262,886,099				1,262,886,099
8	CP khác		15,750,000		2,435,696		46,064,000			111,411,120
	<b>CỘNG</b>		<b>15,750,000</b>		<b>2,435,696</b>	<b>1,262,886,099</b>	<b>709,042,700</b>	<b>21,331,930,283</b>		<b>23,455,493,002</b>
9	<b>TK 642 - Chi phí quản lý DN</b>									
10	CP Nhân viên						2,303,465,305			2,643,783,399
11	CP Nguyên nhiên VL				40,344,022	18,538,065				58,882,087
12	CP Đồ dùng văn phòng									0
13	CP khấu hao TSCĐ									0
14	Thuế và lệ phí									0
15	CP dự phòng									618,582,399
16	CP Dịch vụ mua ngoài		6,208,682			81,835,383				109,330,430
17	Chi phí bằng tiền khác		659,167,115	281,214,762	261,477,015	74,658,080	254,705,500			3,784,591,792
	<b>CỘNG</b>		<b>665,375,797</b>	<b>281,214,762</b>	<b>301,821,037</b>	<b>175,031,528</b>	<b>2,558,170,805</b>	<b>0</b>		<b>7,215,170,107</b>

Người ghi sổ  
( ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
( ký, họ tên)

Giám đốc  
( ký , họ tên , đóng dấu)

**Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV**

**Mẫu số S05-DN** ( Ban hành theo QĐ SỐ  
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTBTC)

**SỔ CÁI TK 641**  
**Tên TK 641 - Chi phí bán hàng**  
*Tháng 12 năm 2009*

Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009	
Nợ	Có

Đơn vị tính : VND

TK ghi có Đ/ư bên nợ TK này	.....	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tổng cộng cả năm
111				15,750,000	139,461,638
141		82,904,524	89,489,889	81,109,524	903,143,664
152		553,720	951,864	2,435,696	100,907,681
154				21,331,930,283	21,331,930,284
331		751,841,700	840,863,382	1,262,886,099	9,141,699,409
334		585,225,300	732,875,000	709,042,700	7,433,763,000
338		58,892,300	58,231,300	52,338,700	606,424,600
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>Cộng Nợ</b>		<b>1,479,930,498</b>	<b>1,722,411,435</b>	<b>23,455,493,002</b>	<b>39,764,105,725</b>
<b>Cộng Có</b>		<b>1,479,930,498</b>	<b>1,722,411,435</b>	<b>23,455,493,002</b>	<b>39,764,105,725</b>
Số dư nợ					
Số dư có					

Người ghi sổ  
( ký , họ tên )

Kế toán trưởng  
( ký , họ tên )

Giám đốc  
( ký , họ tên )

## **2.2.4. Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.**

### **2.2.4.1. Nội dung:**

Chi phí quản lý doanh nghiệp là tài khoản phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài khác (điện, nước, fax, cháy nổ...). Chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách, hội nghị KH....)

### **2.2.4.2. Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 642: “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”. Trong đó:

- + TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
- + TK 6422 – Chi phí đồ dùng văn phòng
- + TK 6423 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6425 – Thuế, phí và lệ phí
- +TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6428 – Chi phí bằng tiền khác

### **2.2.4.3. Sổ sách chứng từ kế toán sử dụng:**

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi, Giấy báo Nợ của ngân hàng
- Bảng tính và phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng kê chi tiết TK 642
- Bảng kê số 5
- Nhật ký chứng từ số 8
- Sổ cái TK 642
- Các sổ sách khác có liên quan

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO*

---

**Ví dụ:** Phải thanh toán lương tháng 12/08, số tiền 2,303,465,305 VNĐ

Hạch toán: Nợ TK 642 : 2,303,465,305

Có TK 334: 2,303,465,305.

- Kế toán nhập vào bảng kê số 5 và NKCT số 8. Từ đó vào sổ cái Tk 642.

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV***

Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV

Mẫu số 11 - LĐTL

**Bảng phân bổ tiền lương và BHXH**

tháng 12 năm 2009

ĐVT: đồng

TK đối ứng	Đối tượng	Ghi có TK 334 tiền lương	CN - ĐH tháng 11	Ghi có TK 338				cộng 338	ĐP( 338.6)	Tổng số
				BHXH(15%)	BHYT(2%)	BHTN(1%)	KPCĐ(2%)			
622	Chi phí trực tiếp	7,206,398,100		329,962,059	43,994,941	21,997,500	144,128,000	540,082,500	28,825,400	568,907,900
622.1	Chi phí khoan	570,794,800		26,135,206	3,484,694	1,742,300	11,415,900	42,778,100	2,283,100	45,061,200
622.2	Chi phí xúc	1,996,935,000		91,434,441	12,191,259	6,095,700	39,938,700	149,660,100	7,987,700	157,647,800
622.3	Đoàn xe vận tải	4,638,668,300		212,392,412	28,318,988	14,159,500	92,773,400	347,644,300	18,554,600	366,198,900
627	Chi phí SXC	11,191,527,790	1,219,233,330	509,895,706	67,986,094	33,993,100	222,723,400	834,598,300	44,544,900	879,143,200
627.8	Chi phí xúc	2,903,467,500	482,062,000	132,942,176	17,725,624	8,862,800	58,069,200	217,599,800	11,613,900	229,213,700
627.9	Chi phí sàng	652,977,600		29,898,088	3,986,412	1,993,300	13,059,500	48,937,300	2,611,900	51,549,200
627.10	CT than 2	388,763,600		17,800,500	2,373,400	1,186,700	7,775,300	29,135,900	1,555,100	30,691,000
627.11	Vận tải	4,007,188,100	524,079,330	183,478,676	24,463,824	12,231,900	80,143,800	300,318,200	16,028,900	316,347,100
627.13	Xống điện	566,737,800	48,102,000	25,949,471	3,459,929	1,730,000	11,334,800	42,474,200	2,267,000	44,741,200
627.14	CP TL gạt	683,806,800		31,309,765	4,174,635	2,087,300	13,676,200	51,247,900	2,735,300	53,983,200
627.15	Đờng dây	532,733,600	37,464,000	24,392,471	3,252,329	1,626,200	10,654,700	39,925,700	2,130,900	42,056,600
627.16	C.Tròng bơm	491,182,900	33,640,000	22,489,941	2,998,659	1,499,300	9,823,700	36,811,600	1,964,700	38,776,300
627.17	Px kho vật t	44,353,600	3,605,000	2,030,824	270,776	135,400	887,100	3,324,100	177,400	3,501,500
627.18	VHTT	17,589,865	15,330,000							
627.19	CLB trẻ	37,775,325								
627.20	CP chung khác	864,951,100	74,951,000	39,603,794	5,280,506	2,640,200	17,299,100	64,823,600	3,459,800	68,283,400
641	Chi phí bán hàng	662,978,700	46,064,000	30,356,029	4,047,471	2,023,700	13,259,600	49,686,800	2,651,900	52,338,700
642	Chi phí quản lý	2,303,465,305	254,705,500	88,016,899	11,735,587	5,867,745	40,172,193	145,792,424	18,392,139	164,184,563
241.3	Cp SCL			106,290,979	14,172,131	7,086,066	16,445,500	143,994,675		143,994,676
	<b>Cộng</b>	<b>22,186,644,934</b>	<b>1,482,418,670</b>	<b>1,064,521,673</b>	<b>141,936,223</b>	<b>70,968,111</b>	<b>436,728,693</b>	<b>1,714,154,700</b>	<b>94,414,339</b>	<b>1,808,569,039</b>

**Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV**

**Mẫu số S05-DN** ( Ban hành theo QĐ SỐ  
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTBTC)

**SỔ CÁI TK 642**  
**Tên TK 642 - Chi phí QLDN**  
*Tháng 12 năm 2009*

Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009	
Nợ	Có

Đơn vị tính : VNĐ

TK ghi có Đ/tr bên nợ TK này	.....	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tổng cộng cả năm
111		151,506,407	157,835,973	665,375,797	2,027,724,419
112		17,277,997	17,894,292	281,214,762	614,370,010
141		172,233,525	155,321,682	334,074,528	2,919,808,431
331		-441,555,597	60,119,883	175,031,528	1,250,412,786
334		1,868,286,650	2,193,177,486	2,558,170,805	25,313,311,703
336		-3,062,836,000	2,738,386,000	617,272,000	27,014,161,000
338		137,933,272	185,645,016	164,184,563	2,054,770,352
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>Cộng Nợ</b>		<b>-842,255,891</b>	<b>5,717,154,214</b>	<b>7,215,170,107</b>	<b>70,521,338,203</b>
<b>Cộng Có</b>		<b>-842,255,891</b>	<b>5,717,154,214</b>	<b>7,215,170,107</b>	<b>70,521,338,203</b>
<b>Số dư nợ</b>					
<b>Số dư có</b>					

Người ghi sổ  
( ký , họ tên )

Kế toán trưởng  
( ký , họ tên )

Giám đốc  
( ký , họ tên )

### **2.2.5. Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.**

- Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là khoản lãi tiền gửi ngân hàng. Sau khi nhận được chứng từ do ngân hàng gửi đến, kế toán phản ánh vào bảng kê chi tiết, và sổ cái TK515. Doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Cổ tức lợi nhuận được chia, được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

- Chứng từ sử dụng: Giấy báo có của Ngân hàng về số lãi tiền gửi, Bản sao kê chi tiết tài khoản của Ngân hàng gửi cho công ty ...

- Quy trình hạch toán:

Khi nhận được giấy báo có, bản sao kê chi tiết tài khoản của ngân hàng gửi cho công ty về khoản tiền lãi, kế toán vào bảng kê chi tiết. Căn cứ vào bảng kê chi tiết, kế toán vào sổ cái TK515 và sổ cái TK112 về phần tiền lãi được hưởng.

**Ví dụ:** Ngày 31/12/2009 công ty nhận được giấy báo có của Ngân hàng Công thương chi nhánh Quảng Ninh về số tiền lãi gửi ngân hàng là 263,742,638 VNĐ.

- Căn cứ vào giấy báo có kế toán định khoản:

Nợ TK 112: 263,742,638

Có TK 515: 263,742,638

- Sau đó kế toán vào bảng kê chi tiết và NKCT số 8. Từ đó lập sổ cái Tk 515



## **PHIẾU BÁO CÓ**

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

Kính gửi: Công ty cổ phần than Hà Tu – TKV.

Địa chỉ: Tổ 3 – khu 6 - Phường Hà Tu – TP Hạ Long.

Mã số thuế: 5700101328

Số tài khoản: 10201000022190-8

Loại tiền: VNĐ

Loại thanh toán: tiền gửi thanh toán.

Chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền</b>
Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Incombank - Quảng Ninh	263,742,638
<b>Tổng số tiền</b>	<b>263,742,638</b>

Số tiền bằng chữ: Hai trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm ba tám nghìn đồng chẵn.

**Lập phiếu**

*(Ký, họ tên)*

**Kiểm soát**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV**

**BẢNG KÊ CHI TIẾT TK 515**  
**Tên TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính**  
*Tháng 12 năm 2009*

Đơn vị tính : VNĐ

Stt	Diễn giải	Ghi nợ TK 515, ghi có TK khác		Ghi có TK 515 , ghi nợ Tk khác		
		Tk 911	Cộng nợ Tk 515	Tk 112	TK 331	Cộng có Tk 515
1	Lãi từ tiền gửi Ngân hàng			263,742,638		
2	Doanh thu từ việc hưởng cổ tức lợi nhuận được chia từ việc góp vốn đầu tư				110,000,000	
3	Kết chuyển thu nhập từ HĐTC	373,742,638				
	<b>Tổng cộng</b>		<b>373,742,638</b>			<b>373,742,638</b>
	<b>Cộng quý 4</b>		<b>949,188,508</b>			<b>949,188,508</b>

**Người ghi sổ**  
( ký , họ tên )

**Kế toán trưởng**  
( ký , họ tên )

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV*

---

Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV

Mẫu số S05-DN (Ban hành theo QĐ  
Số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/3/2006 của BTBTC)

**SỔ CÁI TK 515**

**Tên TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính**

*Tháng 12 năm 2009*

Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009	
Nợ	Có

Đơn vị tính : VNĐ

TK ghi có Đ/ư bên nợ TK này	.....	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tổng cộng cả năm
111					
141					
152					
154					
331					
334					
911		287,965,099	287,480,771	373,742,638	2,261,945,872
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>Cộng Nợ</b>		<b>287,965,099</b>	<b>287,480,771</b>	<b>373,742,638</b>	<b>2,261,945,872</b>
<b>Cộng Có</b>		<b>287,965,099</b>	<b>287,480,771</b>	<b>373,742,638</b>	<b>2,261,945,872</b>
<b>Số dư nợ</b>					
<b>Số dư có</b>					

Người ghi sổ  
( ký , họ tên )

Kế toán trưởng  
( ký , họ tên )

Giám đốc  
( ký , họ tên )

### **2.2.6. Hạch toán chi phí tài chính.**

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn:
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

- TK kế toán sử dụng: TK 635: “ Chi phí tài chính”

**Ví dụ:** Trong tháng 12, kế toán tiến hành trích trước chi phí trả lãi tiền vay ngân hàng với số tiền 2,377,308,033 VNĐ. Kế toán định khoản:

Nợ TK 635: 2,377,308,033

Có TK 335: 2,377,308,033

- Kế toán ghi vào bảng kê chi tiết TK 635 và nhật ký chứng từ số 8.
- Cuối tháng tổng hợp số liệu vào sổ cái TK 635.

Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV

**BẢNG KÊ CHI TIẾT TK 635**  
**Tên TK 635 - Chi phí hoạt động tài chính**  
 Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VNĐ

Stt	Diễn giải	Ghi nợ TK 635, ghi có TK khác				Ghi có TK 635 , ghi nợ Tk khác	
		Tk 112	TK 338	Tk 413	Cộng nợ Tk 635	Tk 911	Cộng có Tk 635
1	Trả lãi vay Ngân hàng	2,377,308,033					
2	Khoản lãi + Chi phí phải trả Tập đoàn		631,526,826				
3	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại			4,849,543,708			
4	Chênh lệch tỷ giá		47,264,305				
5	Kết chuyển chi phí HĐTC					7,905,642,872	
	<b>Tổng cộng</b>				<b>7,905,642,872</b>		<b>7,905,642,872</b>
	<b>Cộng quý 4</b>				<b>14,160,159,110</b>		<b>14,160,159,110</b>

Người ghi sổ  
( ký , họ tên )

Kế toán trưởng  
( ký , họ tên )

Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV

Mẫu số S05-DN ( Ban hành theo QĐ  
SỐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006  
của BTBTC)

### SỔ CÁI TK 635

Tên TK 635 - Chi phí tài chính

Tháng 12 năm 2009

Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009	
Nợ	Có

Đơn vị tính : VNĐ

TK ghi có Đ/r bên nợ TK này	.....	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tổng cộng cả năm
112		1,724,647,350	.....	1,519,246,237	2,377,308,033	20,665,527,853
331				96,117,144		97,031,718
335				197,236,668		820,824,715
338		749,047,602		631,622,617	678,791,131	10,610,138,163
413					4,849,543,708	4,849,543,708
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>Cộng Nợ</b>		<b>2,474,609,526</b>	<b>.....</b>	<b>4,046,756,846</b>	<b>7,905,642,872</b>	<b>39,543,373,629</b>
<b>Cộng Có</b>		<b>2,474,609,526</b>	<b>.....</b>	<b>4,046,756,846</b>	<b>7,905,642,872</b>	<b>39,543,373,629</b>
Số dư nợ						
Số dư có						

Người ghi sổ  
( ký , họ tên )

Kế toán trưởng  
( ký , họ tên )

Giám đốc  
( ký , họ tên )

### **2.2.7. Hạch toán thu nhập khác.**

Thu nhập khác của công ty bao gồm:

- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho Công ty.
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

TK sử dụng: TK 711: “Thu nhập khác”

**Ví dụ:** Ngày 31/12/2009 kế toán tổng hợp và kết chuyển toàn bộ thu nhập khác để xác định kết quả kinh doanh quý 4 năm 2009. Kế toán định khoản:

Nợ TK 711: 5,544,561,302

Có TK 911: 5,544,561,302

Kế toán vào nhật ký chứng từ số 8 và sổ cái TK 711

### **2.2.8. Chi phí khác tại công ty:**

Chi phí khác tại công ty cổ phần than Hà Tu – TKV gồm các khoản sau:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán đó.
- Tiền phạt do Công ty vi phạm hợp đồng.
- Bị phạt thuế, truy thu nộp thuế.
- Các khoản chi phí khác ngoài các khoản trên.
- Tài khoản sử dụng: TK 811: “Chi phí khác”

**Ví dụ:** Ngày 31/12/2009 kế toán tổng hợp và kết chuyển toàn bộ chi phí khác để xác định kết quả kinh doanh quý 4 năm 2009. Kế toán định khoản:

Nợ TK 911: 6,181,717,260

Có TK 811: 6,181,717,260

Kế toán nhập số liệu vào Nhật ký chứng từ số 8 và sổ cái TK 811

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV*

---

Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV

Mẫu số S05-DN ( Ban hành  
theo QĐ SỐ 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của BTBTC)

**SỔ CÁI TK 811**  
**Tên TK 811- Chi phí khác**  
*Tháng 12 năm 2009*

Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009		
	Nợ	Có

Đơn vị tính : VNĐ

TK ghi có Đ/ư bên nợ TK này	.....	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tổng cộng cả năm
111			13,696,906	17,750,000	302,485,554	485,799,806
138			5,604,386		5,450,000	21,587,769
152		6,260,000	210,279,500	165,718,681	1,979,121,863	3,588,130,677
154						29,710,000
211					3,635,458,475	3,705,040,591
331		118,328,774		54,930,612	253,897,044	850,341,062
338					3,937,500	3,937,500
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>Cộng Nợ</b>		<b>124,588,774</b>	<b>232,580,792</b>	<b>238,399,293</b>	<b>6,181,717,260</b>	<b>10,101,540,824</b>
<b>Cộng Có</b>		<b>124,588,774</b>	<b>232,580,792</b>	<b>238,399,293</b>	<b>6,181,717,260</b>	<b>10,101,540,824</b>
Số dư nợ						
Số dư có						

Người ghi sổ  
( ký , họ tên )

Kế toán trưởng  
( ký , họ tên )

Giám đốc  
( ký , họ tên )



*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV*

---

Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV

Mẫu số S05-DN ( Ban hành  
theo QĐ SỐ 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của BTBTC)

**SỔ CÁI TK 711**

**Tên TK 711- Thu nhập khác**

*Tháng 12 năm 2009*

Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009	
Nợ	Có

Đơn vị tính : VNĐ

TK ghi có Đ/ư bên nợ TK này	.....	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tổng cộng cả năm
111						
138						
152						
154						
211						
331						
911		189,996,774	831,625,645	297,623,729	5,544,561,302	18,438,289,210
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>Cộng Nợ</b>		<b>189,996,774</b>	<b>831,625,645</b>	<b>297,623,729</b>	<b>5,544,561,302</b>	<b>18,438,289,210</b>
<b>Cộng Có</b>		<b>189,996,774</b>	<b>831,625,645</b>	<b>297,623,729</b>	<b>5,544,561,302</b>	<b>18,438,289,210</b>
<b>Số dư nợ</b>						
<b>Số dư có</b>						

Người ghi sổ  
( ký , họ tên )

Kế toán trưởng  
( ký , họ tên )

Giám đốc  
( ký , họ tên )

### **2.2.9. Xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần than Hà Tu.**

#### **2.2.9.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh:**

Việc xác định kết quả kinh doanh tại công ty được thực hiện vào cuối mỗi quý.

Kết quả kinh doanh tại công ty bao gồm:

- Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Kết quả hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác.

*Trong đó:*

$$\begin{array}{rcccl} \text{Kết quả hoạt động} & & \text{Doanh thu} & & \text{Giá vốn} & & \text{Chi phí} & & \text{Chi phí} \\ \text{sản xuất kinh doanh} & = & \text{thuần} & - & \text{hàng bán} & - & \text{bán hàng} & - & \text{QLDN} \end{array}$$

Do trong quý 4/2009 Công ty không phát sinh các khoản làm giảm trừ doanh thu nên doanh thu thuần chính bằng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Kết quả hoạt động} & & \text{Doanh thu hoạt} & & \text{Chi phí} \\ \text{tài chính} & = & \text{động tài chính} & - & \text{tài chính} \end{array}$$

$$\begin{array}{rcccl} \text{Kết quả hoạt động} & & \text{Doanh thu} & & \text{Chi phí} \\ \text{khác} & = & \text{khác} & - & \text{khác} \end{array}$$

#### **2.2.9.2. Tài khoản, sổ sách kế toán sử dụng:**

\* Tài khoản sử dụng:

- TK 911: “Xác định kết quả kinh doanh”
- Các TK liên quan: TK 511, 632, 641, 642, 515, 635, 711, 811, 421.

\* Sổ sách kế toán sử dụng:

- Nhật ký chứng từ số 8.
- Sổ cái các TK: 911, 511, 515, 711, 632, 641, 642, 635, 811, 421.

#### **2.2.9.3. Trình tự hạch toán:**

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO*

---

Cuối quý, căn cứ vào các sổ cái kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Các khoản chi được kết chuyển sang bên Nợ của TK 911, các khoản doanh thu được kết chuyển sang bên Có TK 911.

**\* Kết chuyển các khoản doanh thu:**

- Kết chuyển doanh thu thuần :

Nợ Tk 511 : 422.039.451.558

Có TK 911: 422.039.451.558

- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính:

Nợ Tk 515 : 949.188.508

Có TK 911: 949.188.508

- Kết chuyển doanh thu khác:

Nợ TK 711: 6.673.810.676

Có TK 911: 6.673.810.676

**\* Kết chuyển các khoản chi:**

- Kết chuyển giá vốn hàng bán:

Nợ TK 911: 331.182.339.810

Có TK 632: 331.182.339.810

- Kết chuyển chi phí bán hàng:

Nợ TK 911: 26.657.834.935

Có TK 641: 26.657.834.935

- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp:

Nợ TK 911: 12.090.068.430

Có TK 642: 12.090.068.430

- Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính:

Nợ TK 911: 14.160.159.110

Có TK 635: 14.160.159.110

- Kết chuyển chi phí khác:

Nợ TK 911: 6.652.697.345

Có TK 811: 6.652.697.345

**Kế toán thực hiện tính kết quả lãi, lỗ của toàn bộ hoạt động trong Công ty:**

➤ **Lợi nhuận gộp:**

$$422.039.451.558 - 331.182.339.810 = 90.857.111.748$$

➤ **Lợi nhuận thuần từ HĐKD:**  $90.857.111.748 + 949.188.508$

$$- 14.160.159.110 - 26.657.834.935 - 12.090.068.430 = 38.898.237.781$$

➤ **Lợi nhuận khác:**  $6.673.810.676 - 6.652.697.345 = 21.113.331$

➤ **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:**  $38.898.237.781 + 21.113.331 = 38.919.351.112$

➤ **Vậy trong quý IV, Công ty đó lãi: 38.919.351.112**

➤ **Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp = 6.365.846.089 VNĐ**

Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:

$$\text{Nợ TK 821: } 6.365.846.089$$

$$\text{Có TK 3334 : } 6.365.846.089$$

- Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp sang TK 911:

$$\text{Nợ TK 911: } 6.365.846.089$$

$$\text{Có TK 8211: } 6.365.846.089$$

Sau khi tính được khoản lãi (lỗ) kế toán tổng hợp để kết chuyển số lãi HĐKD trong kỳ =  $38.919.351.112 - 6.365.846.089 = 32.553.505.023 VNĐ$ .

Kế toán kết chuyển phần lãi, lỗ sang TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối:

**Nếu kết quả kinh doanh có lãi:**

Kế toán định khoản:

$$\text{Nợ TK 911: } 32.553.505.023$$

$$\text{Có TK 421: } 32.553.505.023$$

**Nếu kết quả kinh doanh bị lỗ:**

Kế toán định khoản:

$$\text{Nợ TK 421}$$

$$\text{Có TK 911}$$

Sau khi tiến hành bút toán kết chuyển kế toán vào tổng hợp vào Nhật ký chứng từ số 8 và sổ cái TK 911 và sổ cái TK 421.

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV*

---

Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV

Mẫu số S05-DN ( Ban hành theo  
QĐ SỐ 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/3/2006 của BTBTC)

**SỔ CÁI TK 821**

**Tên TK 821 - Chi phí thuế TNDN**

*Tháng 12 năm 2009*

Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009	
Nợ	Có

Đơn vị tính : VNĐ

TK ghi có Đ/ư bên nợ TK này	...	Tháng 3	Tháng 6	Tháng 9	...	Tháng 12	Tổng cộng cả năm
335							
333		1,044,587,574	635,663,823	624,434,754		6,365,846,089	8,670,532,240
.....	...	.....	.....	.....		.....	.....
<b>Cộng Nợ</b>		<b>1,044,587,574</b>	<b>635,663,823</b>	<b>624,434,754</b>		<b>6,365,846,089</b>	<b>8,670,532,240</b>
<b>Cộng Có</b>		<b>1,044,587,574</b>	<b>635,663,823</b>	<b>624,434,754</b>		<b>6,365,846,089</b>	<b>8,670,532,240</b>
Số dư nợ							
Số dư có							

**Người ghi sổ**

( ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

( ký, họ tên)

**Giám đốc**

( ký, họ tên, đóng dấu)

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV*

---

**Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV**

**Mẫu số S05-DN** ( Ban hành theo  
QĐ SỐ 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/3/2006 của BTBTC)

**SỔ CÁI TK 911**  
**Tên TK 911 - xác định KQKD**  
tháng 12 năm 2009

Số dư ngày 1 tháng 1	
Nợ	Có

TK ghi có đối ứng bên nợ TK này	Tháng 1	...	Tháng 11	Tháng 12	Tổng cộng cả năm
421	4,889,963,071	...	3,614,801,225	45,758,068,503	115,345,372,998
632	89,948,326,731		132,693,551,398	75,031,360,128	1,358,251,233,243
635	2,908,150,658		4,046,756,846	7,905,642,872	39,543,373,629
641	2,482,998,205		1,722,411,435	23,455,493,002	39,764,105,725
642	5,460,409,045		5,717,154,214	7,215,170,107	70,521,338,203
711	.....	-	....	.....	.....
811	341,119,845	-	238,399,293	6,181,717,260	10,101,540,824
821	.....		....	6,365,846,089	8,670,532,240
911	.....		....	...	.....
<b>Cộng nợ</b>	<b>106,030,967,555</b>	<b>-</b>	<b>148,033,074,411</b>	<b>171,913,297,961</b>	<b>1,642,197,496,862</b>
<b>Cộng có</b>	<b>106,030,967,555</b>	<b>-</b>	<b>148,033,074,411</b>	<b>171,913,297,961</b>	<b>1,642,197,496,862</b>
Số dư nợ					
Số dư có					

**Người ghi sổ**  
( ký, họ tên )

**Kế toán trưởng**  
( ký, họ tên )

**Giám đốc**  
( ký, họ tên, đóng dấu )

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV*

Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV

Mẫu số S05-DN (Ban hành theo QĐ Số  
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTBTC)

## SỔ CÁI TK 421

### Tên TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Tháng 12 năm 2009

Số dư ngày 1 tháng 1	
Nợ	Có

Tk ghi có đối ứng nợ TK này	Tháng 1	Tháng 2	..	Tháng 11	Tháng 12	Tổng cộng cả năm
336	...	...	..	....	6,961,500,000	6,961,500,000
338	...	...	..	....	6,688,500,000	6,688,500,000
411	...	...	..	....	2,436,871,043	2,436,871,043
414	...	...	..	....	24,292,094,904	300,000,000
418	...	...	..	....	300,000,000	24,292,094,904
4311	...	...	..	....	8,500,000,000	8,500,000,000
4312	...	...	..	....	4,116,714,432	4,116,714,432
911	2,889,353,804	3,037,376,521	..	3,827,536,181	14,508,581,271	62,049,692,619
<b>Cộng nợ</b>	<b>2,889,353,804</b>	<b>3,037,376,521</b>		<b>3,827,536,181</b>	<b>67,804,261,650</b>	<b>115,345,372,998</b>
<b>Cộng có</b>	<b>4,889,963,071</b>	<b>5,522,428,212</b>		<b>3,614,801,225</b>	<b>45,417,555,476</b>	<b>115,345,372,998</b>
Số dư nợ						
Số dư có	2,000,609,267	4,485,660,958		22,386,706,174		

người ghi sổ  
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(ký, ghi rõ họ tên)

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV*

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

B25 - TKV

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU - TKV

**BÁO CÁO PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Năm 2009

ĐVT: VNĐ

TT	CHỈ TIÊU	TK	TỶ LỆ	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN
<b>1</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>			<b>61,966,212,619</b>
<i>a</i>	<i>Chênh lệch vĩnh viễn:</i>			<i>175,473,401</i>
<i>b</i>	<i>Thu nhập không được hưởng ưu đãi</i>			<i>16,273,617,517</i>
	<b>Thu nhập không phải tính thuế</b>			<b>110,000,000</b>
	<b>Lợi nhuận tính thuế</b>			<b>45,582,595,102</b>
	<b>Thuế TNDN không được hưởng ưu đãi</b>			<b>16,449,090,918</b>
<b>2</b>	<b>Tổng thuế TNDN</b>		<b>20%</b>	<b>9,116,519,020</b>
			<b>25%</b>	<b>4,112,272,730</b>
	<i>Trong đó: Phải nộp</i>	<i>333</i>		<i>8,670,532,240</i>
	<i>Không phải nộp (Dùng bổ sung quỹ ĐTPT)</i>	<i>414</i>		<i>4,558,259,510</i>
<b>3</b>	<b>Trả cổ tức ( 15% / năm)</b>		<b>15%</b>	<b>13,650,000,000</b>
	<i>Cổ tức Cổ phần vốn nhà nước</i>	<i>336</i>	<i>51%</i>	<i>6,961,500,000</i>
	<i>Cổ tức Cổ phần phổ thông</i>	<i>3388</i>	<i>49%</i>	<i>6,688,500,000</i>
<b>4</b>	<b>Trích lập bổ xung vốn điều lệ</b>	<b>411</b>	<b>5%</b>	<b>2,436,871,043</b>
<b>5</b>	<b>Trích lập quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty</b>	<b>418</b>		<b>300,000,000</b>
<b>6</b>	<b>Số còn lại</b>			<b>32,350,549,826</b>
	<i>Trích quỹ ĐTPT</i>	<i>414</i>	<i>61%</i>	<i>19,733,835,394</i>
	<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	<i>431</i>	<i>39%</i>	<i>12,616,714,432</i>
	<i>Quỹ khen thưởng</i>	<i>4311</i>		<i>8,500,000,000</i>
	<i>Quỹ phúc lợi</i>	<i>4312</i>		<i>4,116,714,432</i>



***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO***

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN -  
KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

*Mẫu số B02 - DN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU - TKV**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**Năm 2009**

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Quý IV		Luỹ kế	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1- Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	1	VI 25	422,039,451,558	514,078,691,034	1,599,447,569,161	1,528,215,533,163
2- Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0			
3- Doanh thu thuần ( 10 = 01 - 02)	10		422,039,451,558	514,078,691,034	1,599,447,569,161	1,528,215,533,163
4- Giá vốn hàng bán	11	VI 28	331,182,339,810	358,193,897,081	1,358,251,233,243	1,233,182,022,801
<b>5- Lợi nhuận gộp ( 20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>90,857,111,748</b>	<b>155,884,793,953</b>	<b>201,196,335,918</b>	<b>295,033,510,362</b>
6- Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI 29	949,188,508	341,604,415	2,261,945,872	1,241,431,300
7- Chi phí tài chính	22	VI 30	14,160,159,110	17,079,030,596	39,543,373,629	35,547,849,253
<i>Trong đó : chi phí lãi vay</i>	23		<i>7,945,204,360</i>	<i>10,988,546,627</i>	<i>32,096,490,731</i>	<i>28,483,079,698</i>
8- Chi phí bán hàng	24		26,657,834,935	32,419,606,557	39,764,105,725	74,657,792,636
9- Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12,090,068,430	53,757,627,980	70,521,338,203	115,535,237,293
<b>10 - Lợi nhuận thuần từ HĐKD ( 30 = 20+21-22-24-25)</b>	<b>30</b>		<b>38,898,237,781</b>	<b>52,970,133,235</b>	<b>53,629,464,233</b>	<b>70,534,062,480</b>
11- Thu nhập khác	31		6,673,810,676	11,388,199,383	18,438,289,210	21,620,346,637
12- Chi phí khác	32		6,652,697,345	19,164,307	10,101,540,824	5,655,604,185
<b>13- Lợi nhuận khác ( 40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>21,113,331</b>	<b>11,369,035,076</b>	<b>8,336,748,386</b>	<b>15,964,742,452</b>
<b>14- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế ( 50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>38,919,351,112</b>	<b>64,339,168,311</b>	<b>61,966,212,619</b>	<b>86,498,804,932</b>
15- Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	51	VI 31	6,365,846,089		8,670,532,240	
16- Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại	52	VI 32				
<b>17 - Lợi nhuận sau thuế TNDN( 60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>32,553,505,023</b>	<b>64,339,168,311</b>	<b>53,295,680,379</b>	<b>86,498,804,932</b>
<b>18- Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)</b>	<b>70</b>		<b>3,577</b>	<b>7,070</b>	<b>5,857</b>	<b>9,505</b>

Người ghi sổ

( ký, họ tên)

Kế toán trưởng

( ký, họ tên)

Giám đốc

( ký, họ tên, đóng dấu)

### **Chương 3:**

## **MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU – TKV**

### **3.1. Những đánh giá về tình hình kinh doanh, tổ chức quản lý, tổ chức công tác kế toán và tổ chức kế toán doanh thu, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Than Hà Tu - TKV**

#### **3.1.1. Nhận xét chung**

Nhìn chung, Công ty cổ phần Than Hà Tu có bộ máy quản lý khá khoa học, các phòng ban được phân công nhiệm vụ một cách rõ ràng, cụ thể. Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, tuy gặp không ít những khó khăn nhưng Công ty vẫn luôn phấn đấu vươn lên, đảm bảo công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên, phát động nhiều phong trào thi đua nhằm khắc phục mặt yếu, phát huy những điểm mạnh sẵn có, qua đó tìm được những hướng đi mới phù hợp với quy luật phát triển hiện nay. Trong thời gian qua, Công ty luôn đảm bảo đúng nguyên tắc hạch toán kế toán, đặc biệt là trong công tác quản lý về doanh thu và xác định kết quả kinh doanh. Trong công tác kế toán của Công ty, việc thực hiện và áp dụng chế độ kế toán của Nhà nước được tiến hành triệt để, đúng với yêu cầu và nguyên tắc kế toán đề ra. Tuy nhiên trong quá trình hạch toán cũng không cứng nhắc, dập khuôn mà luôn được cải tiến cho phù hợp với điều kiện và đặc điểm kinh doanh của Công ty dựa trên cơ sở chế độ kế toán hiện hành.

Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận của quá trình kế toán trong Công ty. Vì vậy nó đã không ngừng đổi mới và hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu thông tin của nhà quản lý.

#### **3.1.2. Những ưu điểm đạt được**

- Nhìn chung nguyên tắc kế toán của công ty đã dựa trên căn cứ khoa học đặc điểm tình hình thực tế của công ty và làm kế toán Exel trên máy vi tính, tránh ghi chép thủ công mất nhiều thời gian, chi phí tốn kém, hơn thế nữa đáp ứng được việc tìm kiếm thông tin nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo được tính thống nhất về phạm vi, phương pháp kế toán các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và

các bộ phận khác liên quan.

- Hình thức Nhật ký - chứng từ phù hợp với những doanh nghiệp đã thực hiện cổ phần hoá từ công ty nhà nước đi lên, hơn nữa đặc điểm kinh doanh của công ty lại có rất nhiều mặt hàng, đa dạng về chủng loại và số lượng chứng từ sổ sách theo dõi nhiều. Như vậy hình thức kế toán nhật lý chứng từ đã đáp ứng được nhu cầu hạch toán kế toán và quản lý của công ty.

***- Về chứng từ kế toán sử dụng:***

Các chứng từ kế toán sử dụng trong quá trình hạch toán đều phải hợp với nội dung kinh tế phát sinh. Hầu hết các chứng từ sử dụng đều theo đúng mẫu của Bộ tài chính với đầy đủ các yếu tố cần thiết. Các chứng từ được phân loại rõ ràng theo hệ thống. Việc luân chuyển chứng từ được tiến hành một cách nhanh chóng, kịp thời.

***- Về tổ chức công tác kế toán hiện nay:***

Phù hợp với đặc điểm tình hình của Công ty luôn chấp hành một cách nghiêm túc và đầy đủ các chính sách, chế độ kế toán tổ chức nhà nước, các chính sách về giá, thuế. Tổ chức mở sổ đầy đủ, phù hợp để phản ánh tình hình biến động của thị trường SX KD, đồng thời ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh, nhờ đó góp phần bảo vệ tài sản của Công ty.

***- Về tổ chức bộ máy kế toán:***

Việc tổ chức bộ máy kế toán hiện nay là hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của công việc và trình độ chuyên môn của từng người. Với 9 thành viên kế toán, mỗi người đều nhận nhiệm vụ riêng, tuy khối lượng nghiệp vụ kế toán phát sinh là khá nhiều nhưng vẫn đảm bảo việc kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các phần hành, đồng thời nâng cao trình độ chuyên môn của các nhân viên kế toán. Kế toán tổng hợp đã kịp thời theo dõi chính xác tình hình biến động của hàng hoá, của giá cả hàng hoá và xu hướng hàng hoá trên thị trường, tính toán chính xác thu nhập và chi phí phát sinh của hoạt động bán hàng, của hoạt động tài chính cũng như các hoạt động khác. Phân bổ một cách hợp lý các chi phí cho từng mặt hàng tiêu thụ quản lý hạch toán với từng khách hàng, xác định kết quả kinh doanh ở từng thời điểm cụ thể.

***- Về kế toán xác định kết quả kinh doanh***

## *Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO*

---

Trên cơ sở đặc điểm kinh doanh của công ty, kế toán doanh thu và chi phí đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn để được đưa ra hệ thống sổ sách ghi chép, xác định một cách chính xác doanh thu, chi phí. Kế toán doanh thu bên cạnh việc cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác cho các cơ quan chức năng: cơ quan thuế, ngân hàng... còn cung cấp đầy đủ thông tin cho cơ quan lãnh đạo doanh nghiệp, cho ban giám đốc doanh nghiệp có những quyết định đúng đắn về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đặt ra chiến lược nắm bắt thị trường kịp thời và hiệu quả.

### **3.1.3. Những hạn chế**

Bên cạnh những ưu điểm, kế toán còn tồn tại những mặt hạn chế chưa phù hợp với chế độ chung, chưa thực sự khoa học cần thiết phải phân tích, làm sáng tỏ, từ đó có các biện pháp thiết thực nhằm cung cấp hoàn thiện hơn nữa giúp cho việc cung cấp thông tin được đầy đủ, giúp cho ban lãnh đạo đưa ra được những quyết định về hoạt động quản lý, hoạt động tiêu thụ hàng hoá. Cụ thể:

#### **- Về hình thức kế toán:**

Hình thức sổ kế toán mà công ty áp dụng là Nhật ký chứng từ, hình thức này hoàn toàn phù hợp với tình hình của Công ty, tuy nhiên sổ sách nhiều với nhiều mặt hàng đa dạng và phong phú vì vậy khâu đối chiếu số liệu mất nhiều thời gian, đôi khi còn nhầm lẫn vì vậy cần phải cẩn trọng.

#### **- Về phương thức hạch toán kế toán:**

+ Kế toán làm trên máy tính nhưng không sử dụng phần mềm kế toán làm mất nhiều thời gian, phải lập nhiều sổ sách đôi khi đối chiếu còn dẫn đến sai lệch.

+ Khi hạch toán doanh thu những công việc ghi hàng ngày thì kế toán lại để đến cuối tháng mới ghi. Công ty chưa lập sổ chi tiết doanh thu và giá vốn.

+ Công ty chưa lập sổ chi tiết theo dõi Chi phí khác và Thu nhập khác mà chỉ phản ánh trực tiếp qua NKCT số 8 và sổ cái.

#### **- Về hình thức thanh toán:**

Đa số khách hàng của công ty đều thanh toán chậm. Có những đơn hàng kéo dài thời hạn thanh toán đến hết vài tháng do đó phần lớn vốn của công ty bị

tồn đọng nhiều ở số phải thu khách hàng. Điều này gây rất nhiều bất lợi cho công ty đặc biệt là trong trường hợp công ty cần vốn gấp.

### **3.2 Các nguyên tắc hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh:**

#### **3.2.1 Yêu cầu của việc hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh:**

Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh cần thiết phải được hoàn thiện hơn trong cơ chế quản lý kinh tế mới để đáp ứng yêu cầu quản lý trong điều kiện hiện nay giữa sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp ngày càng trở lên gay gắt. Vì vậy mỗi doanh nghiệp phải tìm cho mình một hướng đi đúng, tự hoàn thiện mình để tìm cho mình một chỗ đứng vững chắc trên thị trường.

Hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo được các yêu cầu sau:

- Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra.

- Số liệu phải phản ánh một cách kịp thời, chính xác. Việc phản ánh số liệu một cách kịp thời, chính xác là điều kiện hết sức cần thiết và quan trọng đối với cơ quan chức năng: Đối với cơ quan thuế - giúp cho việc tính toán thuế và các khoản phải nộp vào ngân sách nhà nước; Đối với ngân hàng – giúp cho việc tính lãi tiền vay, tiền gửi và việc thu hồi vốn và lãi, quan trọng là đối với ban lãnh đạo của doanh nghiệp trong việc đưa ra phương hướng và kế hoạch cụ thể cho kỳ kinh doanh tiếp theo.

- Số liệu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và công khai, đây là điều kiện đặc biệt quan tâm của cả doanh nghiệp và các đối tác tham gia góp vốn liên doanh.

- Đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả thiết thực, khả thi bất kỳ trong một doanh nghiệp nào dù tư nhân hay nhà nước đều có chung mong muốn là tiết kiệm được chi phí sản xuất kinh doanh, thu lợi nhuận cao, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

#### **3.2.2 Nguyên tắc của việc hoàn thiện:**

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV***

---

Với yêu cầu quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc hạch toán kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV dựa trên những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt để đáp ứng nhu cầu quản lý đồng bộ hoạt động kinh tế tài khoản của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước. Nhà nước ta đã xây dựng và ban hành hệ thống kế toán và chế độ kế toán, đây là những văn bản pháp quy có tính bắt buộc. Bởi vậy khi hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, xác định kết quả kinh doanh đòi hỏi người quản lý phải xem xét ở mọi khía cạnh cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ kế toán. Mặc dù vậy, doanh nghiệp cần có sự linh hoạt trong việc vận dụng chế độ kế toán phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh của Công ty.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty: mỗi công ty có những đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh doanh, loại hình kinh doanh, trình độ và yêu cầu quản lý. Do vậy việc vận dụng hệ thống chế độ thể lệ tổ chức kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý, sáng tạo phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp

- Hoàn thiện trên cơ sở đáp ứng yêu cầu về thông tin phải nhanh chóng, kịp thời, chính xác và phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó có quyết định đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện phải trên cơ sở là tiết kiệm và hiệu quả.

***3.2.3 Ý nghĩa của việc hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh:***

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện tính nghiệp vụ kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hoá, việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm, điều tiết chi phí. Điều tiết quá trình này cho phép hạ giá thành sản phẩm, nâng cao doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, hợp lý, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với

nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình hạch toán nghiệp vụ kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu chính xác, tin cậy giúp cho nhà quản lý đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh sẽ thấy được những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra biện pháp giải quyết kịp thời những khó khăn và phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

### **3.3 Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV**

#### **3.3.1 Hoàn thiện hệ thống sổ kế toán tại Công ty cổ phần than Hà Tu – TKV.**

##### **\* Ý kiến 1:**

Để góp phần hiện đại hóa và nâng cao công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm thời gian của nhân viên kế toán, giải quyết cho kế toán khỏi việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu tính toán, tổng hợp một cách đơn điệu nhàm chán, để họ dành nhiều thời gian cho công tác nghiên cứu, sáng tạo chuyên môn của mình, Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán trên máy. Hiện tại phòng kế toán của Công ty đã được trang bị đầy đủ máy tính phục vụ cho công tác kế toán, điều đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán. Điều đó giúp giảm bớt cho kế toán viên trong công việc kiểm tra đối chiếu số liệu vì đặc điểm khối lượng hàng hoá của Công ty rất đa dạng. Phần mềm kế toán được ứng dụng sẽ mang lại hiệu quả trực tiếp thiết thực cho doanh nghiệp.

+ Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO*

sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

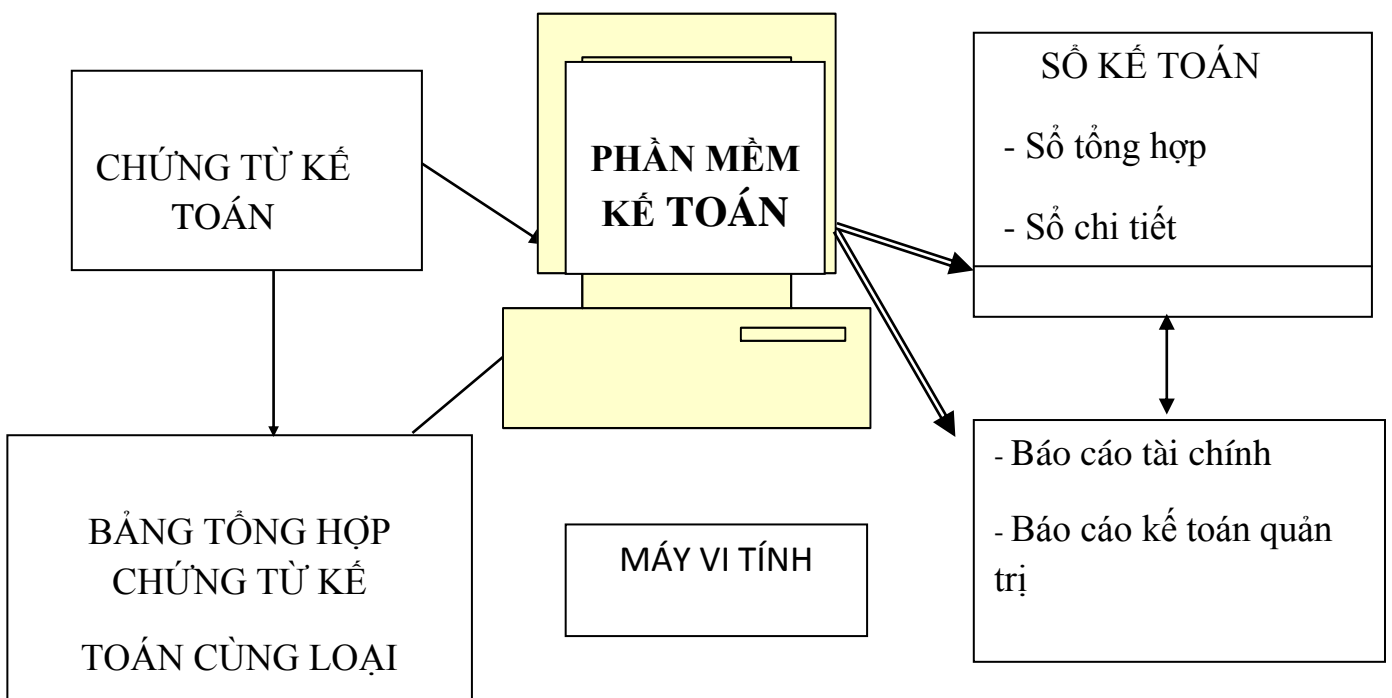
+ *Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính*

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy. (Biểu số 05)

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN  
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH**





**Ghi chú:**

————→	<b>Nhập số liệu hàng ngày</b>
====→	<b>In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm</b>
←.....→	<b>Đối chiếu, kiểm tra</b>

**\*Ý kiến 2:**

Hiện nay, các khoản phải thu của khách hàng tại công ty là rất lớn điều này gây rất nhiều khó khăn cho công ty trong các trường hợp cần thiết mà cần vốn gấp. Vì vậy, công ty nên có những biện pháp để khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh và sớm như: công ty nên có chính sách chiết khấu thanh toán đối với những khách hàng thanh toán tiền ngay hoặc thanh toán sớm hơn thời hạn thoả thuận ban đầu, áp dụng đối với cả các khách hàng thanh toán một nửa hoá đơn GTGT ngay bằng tiền mặt hoặc tài khoản ngân hàng...

Đồng thời, để kiểm tra và theo dõi chặt chẽ hơn các khoản nợ của khách hàng, công ty nên phân loại công nợ cộng theo đó là lãi suất quá hạn tương ứng. Cụ thể như:

- Nợ luân chuyển: là các khoản nợ tính từ thời điểm phát sinh (thời điểm giao hàng) đến hết thời hạn thanh toán quy định trong hợp đồng.
- Nợ quá hạn: Là những khoản nợ quá thời hạn thanh toán quy định trong hợp đồng hoặc kéo dài quá 45 ngày.
- Nợ khó đòi : là các khoản nợ kéo dài trên 90 ngày. Từ đó nên lập quỹ dự phòng phải thu khó đòi căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh và hồ sơ khó đòi vào 31/12/năm.

Các khoản nợ quá hạn và khó đòi phát sinh thì phải lập hồ sơ theo dõi riêng từng khoản nợ, từng đối tượng khách hàng, hàng tháng báo cáo lên ban giám đốc công ty.

**\*Ý kiến 3:**

Tiến hành ghi sổ chi tiết doanh thu , giá vốn , chi phí khác và thu nhập khác để quá trình tính toán, so sánh đối chiếu được nhanh chóng và tiện theo dõi.

## KẾT LUẬN

Hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là một vấn đề vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tế cao. Trong công tác quản lý kinh tế, đặc biệt trong điều kiện phát triển không ngừng của kinh tế thị trường hiện nay thì thông tin kế toán giữ vai trò hết sức quan trọng, quyết định đến sự thành công hay thất bại của một doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh. Do vậy để kế toán phát triển được vai trò này thì việc thực hiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là một tất yếu. Trên góc độ là người cán bộ kế toán, em nghĩ rằng cần nhận thức đầy đủ về lý luận và thực tế mặc dù sự vận dụng lý luận và thực tế có nhiều hình thức khác nhau. Trong quá trình thực tập tốt nghiệp, với sự chỉ bảo tận tình của thầy giáo hướng dẫn **Lưu Đức Tuyên** và các cô chú phòng kế toán công ty đã giúp em hoàn thành khoá luận với đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần than Hà Tu - TKV”.

Những đóng góp cụ thể của khoá luận :

- Trình bày những lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Trình bày thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.
- Trình bày những ưu, nhược điểm và một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Trên đây là nội dung khoá luận đã trình bày. Do kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên khoá luận không tránh khỏi những khiếm khuyết. Em rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp quý báu của các thầy cô và các cô chú phòng kế toán tài chính của công ty.

Cuối cùng em xin gửi tới thầy **Lưu Đức Tuyên** lời cảm ơn sâu sắc.

*Sinh viên thực hiện*

**Vũ Thị Diệu Nga**

## MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU .....	1
<b>CHƯƠNG 1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>2</b>
<b>1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. ....</b>	<b>2</b>
<i>1.1.1. Ý nghĩa và vai trò của hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.....</i>	<i>2</i>
<i>1.1.1.1. Ý nghĩa và vai trò của hạch toán doanh thu, thu nhập .....</i>	<i>2</i>
<i>1.1.1.2. Ý nghĩa vai trò của việc hạch toán xác định kết quả kinh doanh .....</i>	<i>3</i>
<i>1.1.2. Yêu cầu quản lý .....</i>	<i>4</i>
<i>1.1.2.1. Yêu cầu quản lý .....</i>	<i>4</i>
<i>1.1.2.2. Nhiệm vụ.....</i>	<i>4</i>
<b>1.2. các loại doanh thu.....</b>	<b>4</b>
<b>1.3. Những nội dung cơ bản của phương thức bán hàng. ....</b>	<b>6</b>
<b>1.4. Những nội dung cơ bản của kế toán doanh thu và xác định kết quả doanh. ....</b>	<b>7</b>
<i>1.4.1. Kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.....</i>	<i>7</i>
<i>1.4.2. Kế toán giá vốn hàng bán. ....</i>	<i>12</i>
<i>1.4.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. ....</i>	<i>16</i>
<i>1.4.3.1. Kế toán chi phí bán hàng .....</i>	<i>16</i>
<i>1.4.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp. ....</i>	<i>16</i>
<i>1.4.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính. ....</i>	<i>17</i>
<i>1.4.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....</i>	<i>18</i>
<i>1.4.4.2. Hạch toán chi phí hoạt động tài chính.....</i>	<i>19</i>
<i>1.4.5. Hạch toán thu nhập hoạt động khác, chi phí hoạt động khác .....</i>	<i>19</i>
<i>1.4.5.1. Hạch toán thu nhập hoạt động khác. ....</i>	<i>19</i>
<i>1.4.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. ....</i>	<i>22</i>

<i>1.4.7. Hạch toán xác định kết quả kinh doanh</i> .....	23
<b>1.5. Tổ chức hệ thống sổ sách để hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh</b> .....	24
<i>1.5.1. Hình thức Nhật ký chung</i> .....	25
<i>1.5.2. Hình thức Chứng từ ghi sổ</i> .....	25
<i>1.5.3. Hình thức Nhật ký- Chứng từ</i> .....	26
<i>1.5.4. Hình thức Nhật ký - sổ cái</i> .....	28
<i>1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính</i> .....	29
<b>CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU – TKV</b> .....	31
<b>2.1. Đặc điểm chung công ty cổ phần than Hà Tu – TKV</b> .....	31
<i>2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty</i> .....	31
<i>2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của công ty cổ phần than Hà Tu – TKV</i> .....	32
<i>2.1.2.1. Chức năng</i> .....	32
<i>2.1.2.2. Nhiệm vụ</i> .....	33
<i>2.1.3. Đặc điểm về tổ chức sản xuất kinh doanh</i> .....	34
<i>2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần than Hà Tu – TKV</i> .....	35
<i>2.1.4.1. Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty than Hà Tu- TKV</i> .....	35
<i>2.1.4.2. Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận</i> .....	35
<i>2.1.6. Đặc điểm vận dụng chế độ Kế toán</i> .....	40
<i>2.1.6.1. Tổ chức công tác kế toán</i> .....	40
<i>2.1.6.3. Chế độ kế toán</i> .....	43
<b>2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần than Hà Tu – TKV</b> .....	44
<i>2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i> .....	44
<i>2.2.1.1. Đặc điểm</i> .....	44
<i>2.2.1.2. Các tài khoản sử dụng</i> .....	45

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO***

2.2.1.3. Chứng từ kế toán sử dụng: .....	45
2.2.1.4. Sổ sách kế toán sử dụng: .....	45
2.2.1.5. Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu tại công ty như sau: .....	46
<b>2.2.2. Hạch toán giá vốn hàng bán.</b> .....	<b>51</b>
2.2.2.1. Tài khoản sử dụng: .....	56
2.2.2.2. Chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng: .....	56
2.2.2.3. Quy trình hạch toán: .....	56
<b>2.2.3. Hạch toán chi phí bán hàng.</b> .....	<b>58</b>
2.2.3.1. Nội dung: .....	62
2.2.3.2. Tài khoản sử dụng: .....	62
2.2.3.3. Sổ sách chứng từ kế toán sử dụng: .....	62
<b>2.2.4. Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.</b> .....	<b>65</b>
2.2.4.1. Nội dung: .....	68
2.2.4.2. Tài khoản sử dụng: .....	68
2.2.4.3. Sổ sách chứng từ kế toán sử dụng: .....	68
<b>2.2.5. Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.</b> .....	<b>50</b>
<b>2.2.6. Hạch toán chi phí tài chính.</b> .....	<b>74</b>
<b>2.2.7. Hạch toán thu nhập khác.</b> .....	<b>77</b>
<b>2.2.8. Chi phí khác tại công ty:</b> .....	<b>79</b>
<b>2.2.9. Xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần than Hà Tu.</b> .....	<b>80</b>
2.2.9.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh: .....	82
2.2.9.2. Tài khoản, sổ sách kế toán sử dụng: .....	82
2.2.9.3. Trình tự hạch toán: .....	82
<b>CHƯƠNG 3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU – TKV</b> .....	<b>90</b>
<b>3.1. Những đánh giá về tình hình kinh doanh, tổ chức quản lý, tổ chức công tác kế toán và tổ chức kế toán doanh thu, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Than Hà Tu - TKV</b> .....	<b>90</b>

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định Kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKO*

---

<b>3.1.1. Nhận xét chung</b> .....	90
<b>3.1.2. Những ưu điểm đạt được</b> .....	90
<b>3.1.3. Những hạn chế</b> .....	92
<b>3.2 Các nguyên tắc hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh:</b> .....	93
<b>3.2.1 Yêu cầu của việc hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh:</b> .....	93
<b>3.2.2 Nguyên tắc của việc hoàn thiện:</b> .....	93
<b>3.2.3 Ý nghĩa của việc hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh:</b> .....	94
<b>3.3 Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV</b> .....	95
<b>3.3.1 Hoàn thiện hệ thống sổ kế toán tại Công ty cổ phần than Hà Tu – TKV</b> .....	95
<b>KẾT LUẬN</b> .....	98